

NGHỊ QUYẾT
Về việc cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Gia Lai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 2761/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 561/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Gia Lai là **57.464.962** triệu đồng, cụ thể:

- 1. Nguồn vốn ngân sách trung ương: 29.210.935 triệu đồng, bao gồm:**
 - a) Vốn trong nước: 25.349.827 triệu đồng.
 - b) Vốn nước ngoài: 3.861.108 triệu đồng.
- 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 16.776.833 triệu đồng, bao gồm:**
 - Vốn trong cân đối ngân sách theo tiêu chí: 5.196.587 triệu đồng.
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất: 9.000.898 triệu đồng.
 - Vốn xổ số kiến thiết: 1.149.000 triệu đồng.
 - Bội chi ngân sách địa phương: 1.430.348 triệu đồng.

3. Danh mục dự án thuộc nhóm nguồn vốn phát sinh: **11.477.194** triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 8.532.936 triệu đồng;
- Ngân sách địa phương: 2.944.258 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu số 1, Biểu số 2, Biểu số 3, Biểu số 4, Biểu số 05 và các Phụ lục số 01, 02, 03, 04).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 theo quy định; chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy mạnh thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, rà soát, đánh giá lại sự cần thiết đầu tư các dự án chuyển tiếp, tính khả thi, sự phù hợp trong giai đoạn hiện nay, xác định mức độ hoàn thành các dự án thuộc kế hoạch 2021-2025 để làm cơ sở xác định phân vốn chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đảm bảo việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đạt chất lượng.

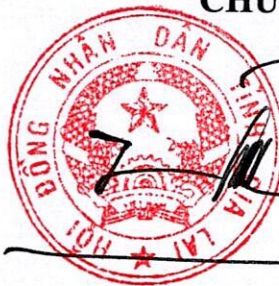
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Hai mươi bốn thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *Th*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.

CHỦ TỊCH



Hồ Văn Niên



Biểu số 01
BẢNG TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Nghị quyết số: **442** /NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: triệu đồng

Tổng hợp vốn giải đoạn 2026-2030										
STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC trung hạn giải đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh gần nhất)	Trong đó			Tổng cộng		Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giải đoạn 2026- 2030 đồng bộ theo phương án Kế hoạch tài chính 05 năm giải đoạn 2026-2030	Tỷ lệ giải đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Chuyển tiếp	Khởi công mới		Vốn	Số dự án			
				Nhu cầu vốn dự án	Số Nhu cầu vốn					
	TỔNG CỘNG (A+ B)	23.263.585	5.405.869	36	49.307.335	228	57.464.962	264		
A	ĐƯA VÀO ĐẦU TƯ (I + II)	23.263.585	5.405.869	36	37.830.141	99	45.987.768	135	198%	
I	Ngân sách địa phương	12.969.346	2.978.166	27	11.046.909	48	16.776.833	75	129%	
I	Vốn trong cân đối ngân sách theo tiêu chí	4.663.600	1.056.014	6	4.140.573	9	5.196.587	15	111%	Theo dự kiến số thu hằng năm của kế hoạch tài chính 05 năm của nguồn vốn cân đối
a	Vốn trong cân đối ngân sách tỉnh	2.523.600	1.056.014	6	1.542.279	9	2.598.293	15	103%	Sở Tài chính dự kiến tốc độ tăng ngân sách dành cho đầu tư trong giải đoạn 2026-2030 bình quân năm là 4,3%, trong khi đó, tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giải đoạn 2021-2025; yêu cầu tốc độ tăng bình quân chung từ 5-6%
-	Dự phòng (10%)				259.829		259.829			Bao gồm dự nguồn vốn để ứng cho các dự án ODA mở mới trong giải đoạn 2026-2030
-	Dự nguồn cho phần vốn tăng thêm của các dự án chuyển tiếp				200.000		200.000			Chỉ tiết tại Phụ lục 3.1 Xin chủ trương về mức vốn tăng thêm của các dự án chuyển tiếp; hiện đang dự nguồn đối với khoản kinh phí này trong kế hoạch giải đoạn 2026-2030; theo báo cáo của các chủ đầu tư, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tăng vốn so với mức vốn được phê duyệt: (1) thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội; (2) trượt giá, giá vật liệu tăng; (3) bổ sung kinh phí đến từ GPMB (chủ trương đầu tư phê duyệt chưa có kinh phí đến từ GPMB).
-	Thực hiện đầu tư dự án		1.056.014		1.082.450		2.138.464		2.138.464	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC Trung hạn giải đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh gần nhất)	Tổng hợp vốn giải đoạn 2026-2030						Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giải đoạn 2026- 2030 đồng bộ theo phương án Kế hoạch tài chính 05 năm giải đoạn 2026-2030	Tỷ lệ giải đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Trong đó			Tổng cộng					
			Chuyển tiếp	Khởi công mới		Vốn	Số dự án				
				Số dự án	Nhu cầu vốn			Số dự án			
b	Vốn trong cân đối ngân sách huyện, thị xã, thành phố	2.140.000			2.598.294			2.598.294	121%	Dự kiến đề xuất HĐND tỉnh phân cấp 50% cho cấp huyện (giai đoạn 2021- 2025 là 40%)	
2	Tiền sử dụng đất	6.880.758	1.528.079	18	6.266.310	31	9.000.898	49	131%	Chi tiết tại Biểu số 04 và Phụ lục số 03	
a	Tiền sử dụng đất tính đầu tư	3.519.121	1.528.079	18	1.497.462	31	4.232.050	49			
-	Dự phòng (7%)				207.938		207.938				
	Dự nguồn cho phần vốn tăng thêm của các dự án chuyên tiếp				164.500		164.500			Chi tiết tại Phụ lục số 03 xin chủ trương về mức vốn tăng thêm của các dự án chuyên tiếp; hiện đang dự nguồn đối với khoản kinh phí này trong kế hoạch giải đoạn 2026-2030; theo báo cáo của các chủ đầu tư, nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tăng vốn so với mức vốn được phê duyệt: (1) thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội; (2) trượt giá, giá vật liệu tăng; (3) bổ sung kinh phí đền bù GPMB (chủ trương đầu tư phê duyệt chưa có kinh phí đền bù GPMB).	
-	Thực hiện đầu tư dự án		1.528.079	18	1.125.024	30	2.653.103	48			
-	Tiền sử dụng đất trích nộp 10% thực hiện dự án do đặc				1.206.509	1	1.206.509	1		Danh cho dự án do đặc.	
b	Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư	3.361.637			4.768.848		4.768.848	-		Theo số liệu đăng ký của các huyện, thị xã, thành phố và phần kinh phí điều tiết theo phân cấp từ các dự án của tỉnh trên địa bàn của địa phương	
3	Tiền xử số kiến thiết	794.000	394.073	3	640.027	8	1.149.000	11	145%	Theo dự kiến số thu của kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh	
-	Dự phòng (10%)				114.900		114.900				
-	Thực hiện (90%)		394.073		640.027		1.034.100				
4	Bội chi ngân sách địa phương	50.100			1.430.348		1.430.348			Theo số báo cáo của Sở Tài chính	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch ĐTC trung hạn giải đoạn 2021-2025 (sau điều chỉnh gần nhất)	Tổng hợp vốn giải đoạn 2026-2030						Dự kiến Kế hoạch đầu tư công giải đoạn 2026- 2030 đồng bộ theo phương án Kế hoạch tài chính 05 năm giải đoạn 2026-2030	Tỷ lệ giải đoạn 2026-2030	Ghi chú
			Trong đó			Tổng cộng					
			Chuyển tiếp	Khởi công mới							
			Nhu cầu vốn dự án	Số dự án	Nhu cầu vốn	Số dự án	Vốn	Số dự án			
II	Ngân sách trung ương	10.294.239	2.427.703	9	26.783.232	51	29.210.935	60	29.210.935	284%	Tổng nhu cầu vốn đầu tư để đăng ký đề xuất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư
II.1	Vốn trong nước	9.173.871	1.224.711	6	24.125.116	48	25.349.827	54	25.349.827		Chi tiết tại Biểu số 03, Phụ lục số 01
1	Các ngành, lĩnh vực	5.822.326	1.224.711	6	18.125.116	48	19.349.827	54	19.349.827		
2	Chương trình phúc hồi và phát triển KT-XH	362.000							-		
3	Các chương trình mục tiêu quốc gia	2.989.545			6.000.000		6.000.000	-	6.000.000		
II.2	Vốn nước ngoài	1.120.368	1.202.992	3	2.658.116	3	3.861.108	6	3.861.108		Phụ lục số 02
1	Các chương trình mục tiêu quốc gia	90.668							-		
2	Vốn ODA cấp phát	1.029.700	1.202.992	3	2.658.116	3	3.861.108	6	3.861.108		
B	Nhóm dự án phát sinh khi có nguồn				11.477.194	129	11.477.194	129	11.477.194		Chi tiết tại Biểu số 05
	Ngân sách trung ương				8.532.936	54			8.532.936		
	Ngân sách tỉnh				2.944.258	75			2.944.258		

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số **442**/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)



Dự kiến kế hoạch đầu tư công giải đoạn 2026-2030													
STT	Phân ngành	Ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương			ODA			Tổng nhu cầu vốn cả giải đoạn 2026-2030	Số dự án cả giải đoạn 2026-2030	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đưa vào đầu tư
		Nhu cầu vốn	Số dự án	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đưa vào đầu tư trong cùng nguồn vốn	Nhu cầu vốn	Số dự án	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đưa vào đầu tư trong cùng nguồn vốn	Nhu cầu vốn	Số dự án	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đưa vào đầu tư trong cùng nguồn vốn			
Tổng cộng (A+B+C+D+E+F+G)													
A	Phân ngành/lĩnh vực	7.032.177	75	100%	25.349.827	54	100%	3.861.108	6	100%	36.243.111	135	100%
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi	296.513	5	4,2%	9.977.800	16	39%	1.199.307	4	31%	11.473.620	25	31,7%
II	Giao thông	1.747.339	19	24,8%	11.593.079	27	46%	2.071.576	1	54%	15.411.994	47	42,5%
III	Văn hóa, thông tin	227.340	3	3,2%	-	-	0%	-	-	0%	227.340	3	0,6%
IV	Thể dục, thể thao	18.500	1	0,3%	-	-	-	-	-	-	18.500	1	0,1%
V	Y tế	1.138.273	17	16,2%	1.470.873	4	6%	-	-	0%	2.609.146	21	7,2%
VI	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	386.940	11	5,5%	487.700	2	2%	-	-	0%	874.640	13	2,4%
VII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	257.400	2	3,7%	-	-	0%	-	-	0%	257.400	2	0,7%
VIII	Khu công nghiệp và khu kinh tế	85.000	2	1,2%	120.000	1	0%	-	-	0%	205.000	3	0,6%
IX	Công nghệ thông tin	22.900	1	0,3%	-	-	0%	-	-	0%	22.900	1	0,1%
X	Phát thanh, truyền hình, thông tin	43.484	1	0,6%	204.605	1	1%	-	-	0%	248.089	2	0,7%
XI	Cấp vốn điều lệ cho quỹ tái chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	135.000	2	1,9%	-	-	0%	-	-	0%	135.000	2	0,4%
XII	Quốc phòng	168.300	4	2,4%	-	-	0%	-	-	0%	168.300	4	0,5%
XIII	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	192.000	1	2,7%	-	-	0%	-	-	0%	192.000	1	0,5%
XIV	Tài nguyên	1.251.389	2	17,8%	-	-	0%	-	-	0%	1.251.389	2	3,5%

2 Dự kiến kế hoạch đầu tư công giải ngân 2016-2030														
STT	Phân ngành	Ngân sách tỉnh			Ngân sách trung ương			ODA			Tổng nhu cầu vốn cả giải ngân 2016-2030	Số dự án cả giải ngân 2016-2030	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đầu tư	Giải ngân
		Nhu cầu vốn	Số dự án	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đầu tư trong cùng nguồn vốn	Nhu cầu vốn	Số dự án	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đầu tư trong cùng nguồn vốn	Nhu cầu vốn	Số dự án	Tỷ lệ vốn trong tổng số vốn đầu tư trong cùng nguồn vốn				
XV	Cấp nước	-	-	0,0%	100.000	1	0%	-	-	0%	100.000	1	0,3%	
XVI	Bảo vệ môi trường	341.570	1	4,9%	195.770	1	1%	590.225	1	15%	1.127.565	3	3,1%	
XI	Thể dục, thể thao	-	-	0,0%	-	-	0%	-	-	0%	-	-	0,0%	
XVII	Khoa học, công nghệ	20.000	1	0,3%	-	-	0%	-	-	0%	20.000	1	0,1%	
XVIII	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới	-	-	0,0%	1.200.000	1	5%	-	-	0%	1.200.000	1	3,3%	
XIX	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật	700.228	2	10,0%	-	-	0%	-	-	0%	700.227	2	1,9%	
B	Vốn trong các dự án ngân sách huyện, thị xã, thành phố										2.598.294			
C	Tiền sử dụng các huyện, thị xã, thành phố đầu tư										4.768.848			
D	Dự phòng ngân sách tỉnh										582.667			
E	Dự nguồn cho phân bổ tăng thêm của các dự án chuyển tiếp										364.500			
F	Bồi chi Ngân sách địa phương										1.430.348			
G	Nguồn phải sinh khi có nguồn										11.477.194			

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI ĐỀ XUẤT BẦU TƯ/GIAI ĐOẠN 2026-2030 - NGUYỄN NGÂN SÁCH TRƯNG ƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án (tính đến cuối năm 2024)	Dự kiến Thời gian KC-HT (sau khi Bộ KHĐT phê duyệt mức đầu tư dự kiến)	Dự kiến Kế hoạch đầu tư tương ứng năm 2026-2030	Tổng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến Kế hoạch đầu tư tương ứng năm 2026-2030	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
	NGÂN SÁCH TRƯNG ƯƠNG	48	-	-	-	-	18.125.116	18.125.116		
1	Năng nghiệp, làm nghiệp, thủy lợi	15					3.505.000	3.505.000		
1	Dự án hồ chứa nước Đăk Pơ Phô	B	Kông Chơ	2026-2030	442.000	442.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	Các công trình để xuất đầu tư nằm trong tập 2 phương án phát triển QHKT Gia Lai được phê duyệt tại Quyết định số 1756/QĐ-TTG ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, làm nhân dân năm 2030
2	Dự án hồ chứa nước Đăk Trau Dlic	B	Mang Yang	2026-2030	279.000	279.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	
3	Dự án Cấm hồ Ia Kut và Pheh Hlăm	B	Đăk Đoa	2026-2030	103.000	103.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	
4	Dự án hồ chứa nước Đàng Xuân	B	Chư Puh	2026-2030	311.000	311.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	Cấp nhật tại TMDT từ 131 tỷ đồng đến 311 tỷ đồng theo đề nghị của UBND huyện Chư Puh (Văn bản số 1407/UBND-KT ngày 10/10/2024)
5	Hồ Đăk Pơ To 2	B	Ia Pa	2026-2030	372.000	372.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	Phát triển thủy lợi nhằm bảo đảm cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và đáp ứng nhu cầu của các ngành kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh nguồn nước; phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu chuẩn nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.



[illegible]

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư (A, B, C)	Địa điểm	Mô tả dự án và dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian thực hiện (từ tháng/năm đến tháng/năm)	Khoản vốn đầu tư tính toán	Dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026-2030	Mô tả dự án và dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Đơn vị đầu tư và quản lý dự án	Ghi chú
13	Kế hoạch xây dựng Sân vận động và Khu dân cư mới tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	B	Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	2000 (m)	2026-2030	200.000	200.000	Phát triển khu vực phía Bắc huyện Đông Anh, bao gồm sân vận động và khu dân cư mới. Dự kiến hoàn thành năm 2030.	UBND Huyện Đông Anh	
14	Kế hoạch xây dựng Khu dân cư mới tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	B	Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	2700 (m)	2026-2030	350.000	350.000	Cùng với dự án 13, xây dựng khu dân cư mới tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh. Dự kiến hoàn thành năm 2030.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Huyện Đông Anh	
15	Dự án bảo vệ, cải thiện môi trường và phát triển kinh tế tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	B	Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	175 ha	2026-2030	90.000	90.000	Cùng với dự án 13 và 14, xây dựng khu dân cư mới tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh. Dự kiến hoàn thành năm 2030.	UBND Huyện Đông Anh	
II	Công trình	23				11.036.938	11.036.938			
I	Dự án bảo vệ, cải thiện môi trường và phát triển kinh tế tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	A	Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	2000 (m)	2026-2030	2.500.000	2.500.000	Phát triển khu vực phía Bắc huyện Đông Anh, bao gồm sân vận động và khu dân cư mới. Dự kiến hoàn thành năm 2030.	Sở Giao thông vận tải Huyện Đông Anh	
2	Dự án bảo vệ, cải thiện môi trường và phát triển kinh tế tại Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	B	Khu vực phía Bắc huyện Đông Anh	2700 (m)	2026-2030	1.450.000	1.450.000	Phát triển khu vực phía Bắc huyện Đông Anh, bao gồm sân vận động và khu dân cư mới. Dự kiến hoàn thành năm 2030.	Sở Giao thông vận tải Huyện Đông Anh	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin cơ bản về dự án (Mạng lưới, loại hình, v.v.)	Dự kiến đầu tư (tỷ đồng)	Khai thác (tỷ đồng)	Dự kiến kết quả (tỷ đồng)	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đầu tư	Chức năng
1	Xây dựng Đường tỉnh 11	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
2	Xây dựng Đường tỉnh 12	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
3	Xây dựng Đường tỉnh 13	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
4	Xây dựng Đường tỉnh 14	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
5	Xây dựng Đường tỉnh 15	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
6	Xây dựng Đường tỉnh 16	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
7	Xây dựng Đường tỉnh 17	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải
8	Xây dựng Đường tỉnh 18	B	Chợ Mới, huyện Yên Bái	Chiều dài tuyến 1,483Km (tương đương 1,483Km), tổng vốn đầu tư 1,483 tỷ đồng, trong đó: 1,483 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh, 0 đồng từ ngân sách trung ương, 0 đồng từ ngân sách địa phương.	1.200.000	1.200.000	1.200.000	Hình thành các tuyến vận tải mới, tạo sự liên kết liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi phía Bắc, giảm tải áp lực vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh miền núi phía Bắc về các tỉnh miền xuôi.	Sở Giao thông vận tải	Chức năng vận tải

[illegible]

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư (A, B, C)	Địa điểm	Tổng trị giá dự án về dự kiến, Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thu	Chi phí đầu tư (sau thuế, chi phí lãi vay, chi phí khác)	Chi phí đầu tư (sau thuế, chi phí lãi vay, chi phí khác)	Dự kiến lợi nhuận	Thời gian thực hiện dự án	Đơn vị dự kiến	Ghi chú
13	Đường nội thị thị trấn Ba Lỵ, huyện Chư Păh	B	Chư Păh	Dự án nhóm B, công trình giao thông cấp III, đường nội thị - cấp đường chính khu vực, tổng chiều dài các tuyến dự kiến L=4,58km. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.	2026-2029	130.000	130.000	Nhằm thực hiện tuyến đường nội thị thị trấn Ba Lỵ, huyện Chư Păh, Đường nội thị dự kiến dài 4,58km. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.	2026-2029	UBND huyện Chư Păh	
14	Đường giao thông dọc theo khu vực nông thôn huyện Ba Lỵ, huyện Chư Păh	B	An Khê	Chiều dài tuyến L=13,35km. Bm=2,5m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	639.200	639.200	Kết nối tuyến đường QL. 19 (đường Quang Trung) đi qua công nghiệp phường An Khê và đường vành đai phía Bắc, tạo quỹ đất khu vực nông thôn dân cư phát triển KT-XH địa phương.	2026-2029	UBND thị trấn An Khê	
15	Đường giao thông kết nối xã Ba Lỵ, huyện Chư Păh	B	An Khê	Chiều dài L=2,10km. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	240.000	240.000	Nhằm xây dựng tuyến đường kết nối xã Ba Lỵ, huyện Chư Păh, Đường nội thị dự kiến dài 2,10km. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	UBND huyện Chư Păh	
16	Đường D22 (QH.D11) đoạn Hường Vương - Bm Bm	B	An Khê	Chiều dài tuyến L=7,10km. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	186.000	186.000	Đường D22 (QH.D11) có chiều dài tuyến L=7,10km. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	UBND huyện Chư Păh	
17	Chia rẽ xã An Trung và xã Kông Yang, huyện Kông Chro	B	An Khê	Chiều dài tuyến L=4,500m. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	100.000	100.000	Tăng cường mạng lưới vận chuyển, lưu thông hàng hóa, nông sản, tạo điều kiện đi lại thuận lợi và góp phần giảm tải áp lực giao thông tại khu vực này.	2026-2029	UBND huyện Kông Chro	
18	Đường từ Ngã 3 Trường Sơn đến ngã ba Kông Yang, huyện Kông Chro	B	An Khê	Tổng chiều dài tuyến L=4,500m. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	200.000	200.000	Đường từ Ngã 3 Trường Sơn đến ngã ba Kông Yang, huyện Kông Chro, có chiều dài tuyến L=4,500m. Bm=3,0m. Bm=5,0m. Bm=15,0m. Bm=5,0m x 3,0m x 1,0m.	2026-2029	UBND huyện Kông Chro	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Dựa trên	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian (Kỳ, năm, quý, tháng, ngày, giờ, phút, giây, mili giây, micro giây, nano giây)	Khả năng tăng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn 2026-2030	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư	Đơn vị để xuất danh mục dự án	Chiều sâu
V	Khu Công nghiệp và Khu kinh tế	1				120.000	120.000			
1	Dự án hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Lữ Thuận	B	Độc lập	Dự án nhóm B, công trình giao thông cấp III, đường dài 10 - cấp đường chính khu vực, tổng chiều dài các tuyến dự kiến L= 5km. Kế cấu mặt đường bê tông nhựa. Bề vỉa hè, vỉa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng và an toàn giao thông hoàn chỉnh.	2026-2029	120.000	120.000	Xây dựng Khu kinh tế Cửa khẩu Quốc tế Lữ Thuận thành một vùng kinh tế động lực của tỉnh Gia Lai, có cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội đồng bộ, đáp ứng yêu cầu của một Khu kinh tế Cửa khẩu quốc tế năng động, phát triển bền vững góp phần phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cư dân vùng biên giới trên cơ sở bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên, gắn với tăng cường cơ quốc phòng - an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	
VII	Phát triển, (truyền hình, thông tin)	1				204.605	204.605			
1	Đầu tư xây dựng mới trung tâm sản xuất chương trình phát thanh - truyền hình - Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai	B	Độc lập	" Hạ tầng nhà báo đặc Trưng liên có diện tích 2.000 m ² có kinh phí 52.290.000.000 đồng - Đầu tư mua sắm thiết bị sản xuất chương trình kinh phí: 152.315.000.000 đồng.	2026-2029	204.605	204.605	Ngành Truyền hình đang trong giai đoạn cạnh tranh rất gay gắt, công nghệ thay đổi thường xuyên. Người dân có nhu cầu tiếp cận nhiều kênh truyền thông khác nhau thông qua các thiết bị cá nhân như điện thoại, máy tính bảng... họ cũng muốn như mạng xã hội, tương tác được từ...	Ban PT-TH	Sở Thông tin và Truyền thông nhà tư vấn báo số 1577/STTTT-VF ngày 22/8/2024
VIII	Cấp nước	1				100.000	100.000			
1	Hoàn thiện hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Phú Thiện và huyện Ia Pa	B	Phụ thuộc Ia Pa	đảm bảo nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt 4.000 m ³ /ngày đêm.	2026-2029	100.000	100.000	Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Phú Thiện và huyện Ia Pa hiện nay đang đảm bảo nhiệm vụ cấp nước sinh hoạt 4.000 m ³ /ngày đêm do công trình thiết bị hiện có công tác bảo trì thường xuyên của nhà máy bơm nước (không đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt) và các vấn đề về Sạt lún Yếm, Chư Đàng, Kôn Tân, đang mất khả năng bơm nước phục vụ cấp nước, cần bổ sung hệ thống đảm bảo chất lượng nguồn nước. Kế hoạch của cơ sở để người dân từ đó đảm bảo cấp nước sinh hoạt cho nhân dân huyện Phú Thiện và Ia Pa.	Công ty TNHH MTV KICTT duy trì	
VIII	Công trình công cộng tại các đô thị	1				1.200.000	1.200.000			

STT	Tên dự án	Nhà đầu tư (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến: Năng lực thiết kế, công trình	Dự kiến Thời gian KC- IET sau khi BQ KHĐT thông báo dự kiến mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư trong năm 2026-2030	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Chức vụ của các ngành
I	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Sỏi: Hố Phô (Tổ đường Chu Mạnh Trinh dự đường L2 Thành Tín), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	A	Pleiku	Dự án gói thầu một tầng, toàn khu dân cư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch khoảng 22 Thụ, làm các Dự hoạch phân khu quy hoạch năm 194/ Phú, đã phê duyệt tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh.	2026-2030 1.200.000	1.200.000	Hiện nay, theo Quy hoạch phân khu xây dựng số 194/ Phú đã phê duyệt tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh, các khu vực theo Quy hoạch phân khu xây dựng đã được trình báo cáo thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay, theo Quy hoạch phân khu xây dựng số 194/ Phú đã phê duyệt tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh, các khu vực theo Quy hoạch phân khu xây dựng đã được trình báo cáo thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, hiện nay, theo Quy hoạch phân khu xây dựng số 194/ Phú đã phê duyệt tại Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh, các khu vực theo Quy hoạch phân khu xây dựng đã được trình báo cáo thẩm định và phê duyệt tại Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của UBND tỉnh.	UBND thành phố Pleiku	

DANH MỤC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Đánh mục dự án	Địa điểm XD	Mạng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư				Lấy kế số vốn bổ trí từ khoản công đến hết năm 2025		Dự kiến Kế hoạch giải ngân 2026-2030	Chưa đầu tư	Ghi chú Ý kiến của các ngành
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSTW				
						Tổng số	Trong đó: NSTW						
	TỔNG CỘNG		6	-	-	1.890.000	1.790.000	565.289	565.289	1.224.711			
I	Bảo vệ môi trường	1				300.000	200.000	4.230	4.230	195.770			
	Kế chống sạt lở Suối Hời Phi (đoạn từ đường Lê Thành Tôn đến đường Nguyễn Trung Trục - Chùa Minh Thành), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Pleiku	Xây dựng kè dài 1,925km dọc suối, mao vệt kết hợp thực vật, rắc bần đảm bảo tạo được mặt nước trên lòng suối, xây dựng 02 đập ngăn nước trên suối, tạo thành 02 hồ chứa nước; xây dựng hệ thống kè dọc Suối và hệ thống đường giao thông, hệ thống điện chiếu sáng, đường dạo bộ và cầu qua Suối hoàn chỉnh.	2023-2025	414/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	300.000	200.000	4.230	4.230	195.770	UBND thành phố Pleiku	Dự án đã bỏ từ vốn chính bị đầu tư (NSTW) 4.230 triệu đồng; chưa bỏ từ vốn thực hiện và trường hợp kế hoạch năm 2025 chưa bỏ từ được vốn, thì đề xuất chuyển tiếp sang giải ngân 2026-2030 với tổng nhu cầu vốn là 195.770 triệu đồng (200.000 - 4.230) theo đề nghị của UBND thành phố Pleiku tại Báo cáo số 724/BC-UBND ngày 13/11/2024, thời gian thực hiện đến năm 2025; UBND thành phố đang lập thủ tục điều chỉnh Chủ trương đầu tư với một số nội dung như sau: - Điều chỉnh thời gian thực hiện từ 2023-2025 thành 2024-2026; - Điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 300.000 triệu đồng lên 450.164 triệu đồng (trong đó, ngân sách trung ương 200.000 triệu đồng và ngân sách thành phố Pleiku 250.164 triệu đồng).	
II	Năng nghiệp, thủy lợi	1				485.000	485.000	12.200	12.200	472.800			
I	Xây dựng các hồ chứa nước và hoàn thiện thông kênh mương thủy lợi	Gia Lai	Hồ Cá Tung cung cấp nước cho diện tích 280ha; Hoàn thiện hệ thống kênh mương thủy lợi các hồ chứa nước: Tàu Dầu 2, Ia Rô, Plei Tho Ga, Plei Kéo nhằm phát huy hết hiệu quả của các hồ chứa nước.	2023-2026	429/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	485.000	485.000	12.200	12.200	472.800	BQL các DA DTXD tỉnh Gia Lai	Giao Kế hoạch trung hạn 21-25 là 260 tỷ đồng; đã bỏ từ vốn CBBT là 12,2 tỷ đồng; do chưa đủ thủ tục đầu tư nên chưa được giao KH vốn hàng năm, do đó, đề xuất chuyển 247 tỷ đồng thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sang giải ngân 2026-2030 thực hiện	
III	Giao thông	4				1.105.000	1.105.000	548.859	548.859	556.141			
I	Đường vành đai 1 (Quốc lộ 25 - cầu Ia Hào) thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Ayun Pa	L-6,95km gồm 02 đoạn: Km0+Km3+770m; Bm= 22m; Bm= 21m. Đoạn Km3+770 - Km0+950m; Bm= 27m; Bm=21m; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	394/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	200.000	200.000	2.250	2.250	197.750	UBND thị xã Ayun Pa	Giao Kế hoạch trung hạn 21-25 là 130 tỷ đồng; bổ trí vốn CBBT là 2,25 tỷ đồng; do chưa đủ thủ tục đầu tư nên chưa được giao KH vốn hàng năm, do đó, đề xuất chuyển 127,75 tỷ đồng thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 sang giải ngân 2026-2030 thực hiện	
2	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Ia Grai	Đường từ thị trấn Ia Klia đi các xã Ia Giang, Ia Tô L= 15,3km; cầu BTCT DUL 2 nhíp 33m; Đường từ xã Ia Krai đi xã Ia Khai L= 12,9km; cầu BTCT DUL 1 nhíp 18m; Đường từ xã Ia Tô đi xã Ia Pêch L= 11,76km; Đường cấp V miễn phí theo TCVN 4054-2005; hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2024-2026	408/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120.000	120.000	81.531	81.531	38.469	UBND huyện Ia Grai	Đang trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn.	

STT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Mạng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư				Lấy kế số vốn bù từ khoản công đến hết năm 2025				Dự kiến K& hoặc giải ngân 2026-2030	Chủ đầu tư	Chức năng Ý kiến của các ngành
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Trong đó: NSTW				
						Tổng số	Trong đó: NSTW								
3	Đường liên xã huyện Khang, tỉnh Gia Lai	Khang	Đường Trường Sơn Đồng đi xã Khang L-31km cấp V miễn phí theo TCVN 4054-2005, hệ thống thoát nước, an toàn giao thông; Cầu bắc qua sông Ba chiều dài cầu 4 nhịp x 33m, chiều rộng phần xe chạy 10,5m; đường hai đầu cầu dài 60m; Bm=13,5m; Bm=10,5m	2024-2026	398/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	135.000	135.000	105.078	105.078	29.922	UBND huyện Khang	Đang trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh K& hoặc đầu tư công trung hạn			
4	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa, đường Tỉnh 669 và đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Dak Đoa	Gia Lai	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa L-33,3km; cấp IV miễn phí theo TCVN 4054-2005 Đường Tỉnh 669 L-29,4km (đoạn tuyến qua khu vực đất thị trấn xã An Khê và huyện Khang theo quy mô hiện trạng, tham bề đồng thuận tăng cường; đoạn còn lại theo tiêu chuẩn cấp III TCVN 4054-2005). Đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Dak Đoa L- 6,9km; Bm=12m; Bm=10,5m; Cầu BTCT DUL rộng 12m; 11% lũng thoát nước; an toàn giao thông.	2023-2026	427/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	650.000	650.000	360.000	360.000	290.000	BQL các DA ĐTXD tỉnh Gia Lai	Đang trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh K& hoặc đầu tư công trung hạn.			

Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư										Lấy kế vốn dự kiến giao đến hết năm 2025				Nhu cầu dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030						
ST T	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư						Trong đó			Đơn vị để xuất danh mục dự án/don vị thực hiện dự án	Ý kiến của các ngành				
						Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Trong đó						
						Trong đó	NSDP	Vốn đối ứng (theo Hiệp định)	Vốn đối ứng (NST)					Vốn nước ngoài (đưa vào cân đối NSTW)			Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (đưa vào cân đối NSTW)	
	Tổng số				9.696.825	3.291.908	3.291.908	6.404.924	4.570.563	1.834.561	39.700	39.700	-	6.546.181	2.706.912	-	3.861.108			
I	Dự án giải đoạn tiếp sang giai đoạn 2026-2030				2.150.914	607.683	607.683	1.543.238	1.202.992	340.246	39.700	39.700	-	1.749.136	567.983	-	1.202.992			
I	Bao vệ môi trường				1.093.469	360.270	360.270	733.199	590.225	142.974	18.700	18.700	-	916.956	341.570	-	590.225			
(I)	Dự án thoát nước và xử lý nước thải (giai đoạn I) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	FIN	2023-2026	171/TT-g-QHQT ngày 24/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai	1.093.469 360.270 360.270 733.199 590.225 142.974 18.700 18.700 931.795 341.570 590.225												UBND thành phố Pleiku			
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi				1.057.445	247.413	247.413	810.039	612.767	197.272	21.000	21.000	-	832.180	226.413	-	612.767			
(1)	Dự án Hiện đại hoá thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai	ADB	2022-2026	164/QĐ-TTg ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ	440.036 115.064 115.064 324.979 229.570 95.409 11.000 11.000 -													BQL các DA DTXD tỉnh Gia Lai		

Quyết định chi trong đầu tư/Quyết định đầu tư													Lấy kế vốn dự kiến giao đến hết năm 2025			Nhu cầu dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giải đoạn 2026-2030			Đơn vị để xuất danh mục dự án/dơn vị thực hiện dự án	Ghi chú ý kiến của các ngành
ST T	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT							Trong đó			Đưa vào kế hoạch và đầu tư					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	NSDP	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Trong đó									
											Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Quy đổi ra tiền Việt				
											Vốn đối ứng	Trong đó	Trong đó	Trong đó			Vốn đối ứng (NST)	Vốn nước ngoài (đưa vào cân đối NSTW)	Tổng số	Tổng số
(2)	Dự án Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình REDD+ tỉnh Gia Lai	IFAD 2025 và GCF 2028		Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 30/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Đề xuất Dự án	617.409	132.349	132.349	483.060	383.197	101.863	10.000	10.000		505.546	122.349	383.197	Số Kế hoạch và Đầu tư			
II	Dự án đang đề xuất mới, vẫn đồng trong giải đoạn 2026-2030				7.545.911	2.684.225	2.684.225	4.861.686	3.367.371	1.494.315	-	-		4.797.045	2.138.979	2.658.116				Các dự án ODA mở mới, kinh để nghị UBND tỉnh xem xét, ghi nhận danh mục để các đơn vị có cơ sở để làm việc, vẫn đồng thu hút vốn ODA đầu tư, chưa đưa vào cân đối kế hoạch, sẽ phù hợp với nội dung tại khoản (9), mục III, Phần A, văn bản số 91/87TT-BKHĐT ngày 29/9/2024 (đối với vốn nước ngoài, phần bỏ theo nhiệm vụ, dự án cụ thể đã được Thủ tướng CP phê duyệt danh mục để xuất, bỏ từ vốn theo Hiệp định của nhà tài trợ)
1	Y tế																			
(1)	Dự án Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Khu vực tam giác phát triển	Sau năm 2026			4.836.000													Sở Y tế	Sở Y tế đề xuất đầu tư sau năm 2030	
2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi				2.145.500	572.030	572.030	1.573.470	1.065.620	507.850	-	-	887.860	301.320	-	586.540				
(1)	Dự án Phát triển hạ tầng chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai	ADB			741.700	229.100	229.100	512.600	358.800	153.800			558.450	217.620		340.830	Sở Nông nghiệp và PTNT			

Quyết định chi trong nhà tư/Quyết định đầu tư												Lấy kế vốn dự kiến giao đến hết năm 2025		Nhu cầu dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2026-2030					
ST T	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Thời gian KC-HT	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						Trong đó		Trong đó				Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ý kiến của các ngành	
					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tổng số	Vốn nước ngoài (đưa vào cân đối NSTW)	Vốn đối ứng (NST)		Vốn nước ngoài (đưa vào cân đối NSTW)		Trong đó				
					Trong đó	NSDP	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn nước ngoài (đưa vào cân đối NSTW)					
(1)	Phát triển cơ sở hạ tầng thực đẩy phát triển toàn diện tỉnh Gia Lai	WB				5.400.411	2.112.195	2.112.195	3.288.216	2.301.751	986.465			3.909.185	1.837.609	2.071.576	BOL các DA DTXD tỉnh Gia Lai		
(2)	Dự án Giảm thiểu tác động kinh tế - xã hội của đại dịch Covid-19 thông qua bảo vệ, phục hồi và phát triển bền vững rừng ở Tây Nguyên	KFW				443.610	88.110	88.110	355.500	269.500	86.000			329.410	83.700	245.710	Sở Nông nghiệp và PTNT		
(3)	Dự án phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp tỉnh Gia Lai - vay vốn Ngân hàng thế giới (WB)	WB				960.190	254.820	254.820	705.370	437.320	268.050						Sở Nông nghiệp và PTNT	Chỉ nhận danh mục đề vận động; hiện nay, theo số liệu rà soát của Sở Tài chính, nợ trần của tỉnh đến năm 2030 là 1.672.666 triệu đồng; khả năng vay trong giải ngân 26-30 là 1.508.100 triệu đồng (1.672.666 -164.566 là số nợ của NS tính đến năm 2023); do đó, cần giảm dự án này để đảm bảo trần nợ vay của tỉnh.	
3	Giao thông					5.400.411	2.112.195	2.112.195	3.288.216	2.301.751	986.465	-	-	3.909.185	1.837.609	2.071.576			

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRƯỜNG HẠN GIẢI ĐOÀN 2026-2030 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 442/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Vãng tục thiết kế công trình	Dự kiến Tổng giá trị (sau khi bỏ KINH phí đầu tư dự kiến)	Dự kiến tổng mức đầu tư công trình hạn 2026-2030	Thuyết minh sơ bộ thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Chú thích
	TỔNG CỘNG	75			8.590.073	7.032.176			
A	NGÂN SÁCH TỈNH - VỐN CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	15			2.911.663	2.138.464			Chi tiêu
A.1	Danh mục dự án chuyển tiếp	6			1.056.014	1.056.014			Chi tiết tại Phụ lục số 03
A.2	Danh mục nhiệm vụ, chương trình, dự án khác công mới	9			1.855.649	1.082.450			
I	Năng nghiệp, làm nghiệp, thủy lợi	1			122.349	122.349			
I	Vấn đề ứng Dự án Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và Bảo vệ Tài nguyên và Đa dạng sinh học Mạng Y tế Nam nhân góp phần phục vụ các mục tiêu Chương trình REDD+ tỉnh Gia Lai	B	05 huyện: Đak Đoa, Mang Yang, Kông Pa, Kông Chro, Chư Prông	Thực dự chỉnh sách và môi trường thế chế cho việc lập kế hoạch và thực hiện giảm thiểu: Phát triển kinh tế nông thôn bằng gây mới rừng và thích ứng với biến đổi khí hậu, Quan lý dự án	2025-2028 122.349	122.349	Góp phần thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, làm giảm đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Gia Lai Phát triển làm nghiệp bền vững, tăng cường sinh kế, nâng tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu, can thiệp sinh kế, giảm nghèo trong cộng đồng và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề xuất Dự án tại Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 20/9/2024
II	Khu công nghiệp và khu kinh tế	1			130.000	70.000			

[illegible]

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Dự điểm	Dự kiến triển khai (năm đầu dự án)	Khoản vốn đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến giải ngân (tỷ đồng)	Tổng mức vốn đầu tư (tỷ đồng)	Đơn vị chủ trì	Đơn vị quản lý
	Hệ thống mạng hình ảnh 2. người trực và trang thiết bị thuật	C	Phước	2027	10.000	10.000		Sở Văn Hóa Thể thao và Du lịch	
XI	Y tế	9			341.000	341.000			
1	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị TTYT thị xã An Khê	B	An Khê	2024-2030	80.000,00	80.000,00		Sở Y tế	
2	Dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng và trang thiết bị TTYT thị xã Ayun Pa	B	Ayun Pa	2024-2030	45.500	45.500		Sở Y tế	
3	Dự án: Trung tâm cấp cứu 115	B	Phước	2024-2027	50.000	50.000		Sở Y tế	
4	Dự án: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Chư Sê	B	Chư Sê	2029-2030	55.000	55.000		Sở Y tế	
5	Dự án đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Chư Păh	C	huyện Chư Păh	2027-2028	20.000	20.000		Sở Y tế	
6	Dự án đầu tư cơ sở vật chất và bổ sung trang thiết bị cấp thiết cấp ứng cứu cứu hãm và điều trị bệnh chẩn đoán phổi	C	Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Tổ Phổi, Gia Lai	2028-2030	25.000	25.000		Sở Y tế	

STT	Tên dự án	Nhóm ưu tiên (A, B, C)	Địa điểm	Thường liên hệ để dự kiến Nhang lực thiết kế công trình	Dự kiến Thiết kế KNC-HT (sau khi Bộ KHĐT thống báo dự kiến mức vốn gửi được)	Khả năng tăng mức đầu tư dự kiến	Dự kiến kế hoạch đầu tư công trình năm 2026-2030	Thuyết minh sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đánh giá mức dự án	Chỉ tiêu để xuất các ngành
3	Dự án xây dựng cơ sở vật chất, trong thiết bị 02 Trường THPT ở huyện Chu Sê	C	Huyện Chu Sê	Bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị Trường THPT Trần Cao Vân, THCS THPT Nguyễn Văn Cội, 20 phòng học, phòng học bộ môn, nhà vệ sinh, nhà để xe, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ	2027-2028	36.000	36.000	Trường ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cơ sở vật chất rất hạn chế cần phải đầu tư	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, cơ sở vật chất rất hạn chế cần phải đầu tư
4	Trường THPT Tân Hưng Đạo	C	Mang Yang	Xây dựng 10 phòng học, phòng học bộ môn, thư viện, thiết bị, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ	2026-2028	15.000	15.000	Bổ sung cơ sở vật chất để đảm bảo giảng dạy, học tập theo quy mô 11 lớp (21 phòng học) theo Chương trình GDPT 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	
5	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	C	Là Grai	Xây dựng 4 phòng học bộ môn, phòng thiết bị, thư viện, bổ sung phòng làm việc, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ	2026-2028	16.500	16.500	Bổ sung cơ sở vật chất để đảm bảo giảng dạy, học tập và làm việc theo Chương trình GDPT 2018	Sở Giáo dục và Đào tạo	
6	Trường THPT Lương Thế Vinh	C	Khang	Xây dựng 4 phòng học bộ môn, thư viện, nhà làm việc, nhà vệ sinh, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ	2026-2028	12.500	12.500		Sở Giáo dục và Đào tạo	
7	Trường THPT Trương Chinh	C	Chu Sê	Xây dựng nhà đa năng, thiết phòng phụ trợ, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ	2028-2030	9.500	9.500		Sở Giáo dục và Đào tạo	

[illegible]

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Mô tả dự án và mục tiêu	Dự kiến thời gian thực hiện (từ năm đến năm)	Khoản vốn đầu tư dự kiến	Dự kiến kết quả đầu tư (năm)	Mô tả dự án và mục tiêu	Đơn vị quản lý dự án	Chi phí đầu tư dự kiến
II	Y tế	5				401.200	401.200			
I	Dự án đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện	B	Phu Thiện	Quy mô nâng cấp 10 giường, đầu tư mới thiết bị chuyên y tế dự phòng, thiết bị y tế các khoa lâm sàng bệnh và các hạng mục phụ	2026-2027	50.000	50.000	Quy mô nâng cấp và bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện	Sở Y tế	
2	Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Y tế huyện Krông Pa	B	Krông Pa	Đầu tư các khoa phòng chức năng và các hạng mục phụ mua sắm, nâng cấp thiết bị chuyên y tế dự phòng, bệnh, khoa ngoại	2026-2027	33.200	33.200		Sở Y tế	
3	Dự án đầu tư nâng cấp khoa Hồi sức tích cực chuyên sâu Bệnh viện đa khoa tỉnh	B	Phước	Xây dựng khu mới hồi sức chuyên sâu và trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, quy mô 50 giường	2026-2028	80.000	80.000	Thực hiện theo Quyết định số 1779/QĐ-UBND, ngày 17/9/2024 về kế hoạch triển khai đề án phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030	Sở Y tế	
4	Dự án đầu tư xây dựng đơn vị chuyên khoa của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Huyện học và truyền mẫu	B	Phước	Đầu tư xây dựng hạng mục lâm sàng bệnh Quy mô 50 giường	2026-2029	70.000	70.000	Đầu tư xây dựng đơn vị chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh như: Tim mạch	Sở Y tế	
5	Dự án đầu tư xây dựng đơn vị chuyên khoa của Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Tim mạch	B	Phước	Đầu tư xây dựng hạng mục lâm sàng bệnh Quy mô 100 giường	2026-2029	150.000	150.000	Đầu tư xây dựng đơn vị chuyên khoa của Bệnh viện đa khoa tỉnh như: Tim mạch	Sở Y tế	
III	Các nhiệm vụ, chương trình dự án khác theo quy định của pháp luật					99.427	99.427			
I	Vấn đề tăng các chương trình mục tiêu quốc gia					99.427	99.427		Các đơn vị ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	

DANH MỤC DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIẢI ĐOÀN 2021-2025 CHUYÊN TIẾP SÁNG GIẢI ĐOÀN 2026-2030 - NGUYỄN NGÂN SÁCH ĐỀ A PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 44/2-NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

DVT: Triệu đồng

ST										Kết quả rà soát và đề xuất của các chủ đầu tư										Đơn vị thực hiện	Ghi chú		
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án										Lý do tăng (nếu báo cáo của chủ đầu tư)													
Danh mục dự án																							

ST	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian K-C-IT	Nghị quyết của HĐND, Quyết định của UBND hoặc QĐ của tư nhân chính		Kế hoạch vốn giải ngân 2021-2023		Lũy kế số vốn đã trả từ khởi công đến hết năm 2023		Dự toán Kế hoạch đầu tư vốn NSDP giải ngân 2024-2030					Kế quả thi hoạt và kết quả của các chủ đầu tư		Đơn vị thực hiện	Chi tiêu thực của các ngành
				Số người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp, đơn vị hành chính	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Trong đó:									
									Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
4	Dường giao thông huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai	Krong Pa	2024-2026	41/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	80.000	80.000	40.000	40.000	530	530	79.470	79.470						
5	Dường giao thông huyện Chư Pông, tỉnh Gia Lai	Chư Pông	2024-2026	64/QĐ-UBND ngày 23/11/2024	75.000	75.000	40.000	40.000	732	732	74.266	74.266						
6	Dường giao thông huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	Đak Đoa	2024-2026	728/QĐ-UBND ngày 22/12/2024	70.000	70.000	30.000	30.000	510	510	69.490	69.490						
7	Dường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Phú Thiện	2024-2026	502/QĐ-UBND ngày 30/09/2024	70.000	70.000	30.000	30.000	1.195	1.195	68.805	68.805						
8	Dường giao thông huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai	Đak Pơ	2024-2026	1095/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	70.000	70.000	30.000	30.000	1.710	1.710	68.290	68.290						
9	Dường giao thông huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Mang Yang	2024-2026	1108/QĐ-UBND ngày 19/09/2024	66.000	66.000	30.000	30.000	467	467	65.533	65.533						
10	Dường giao thông huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Ia Pa	2024-2026	643/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	60.000	60.000	30.000	30.000	570	570	59.430	59.430						
11	Dường giao thông huyện Đak Cờ, tỉnh Gia Lai	Đak Cờ	2024-2026	732/QĐ-UBND ngày 14/07/2024	38.500	35.000	16.164	16.164	360	360	34.640	34.640						
12	Dường giao thông huyện Krong Pa, tỉnh Gia Lai	Krong Pa	2024-2026	730/QĐ-UBND ngày 13/7/2024	43.500	35.000	13.000	13.000	390	390	34.610	34.610						
13	Dường giao thông huyện Chư Pông, tỉnh Gia Lai	Chư Pông	2024-2026	165/QĐ-UBND ngày 17/12/2024	20.000	20.000	10.000	10.000	230	230	19.770	19.770						

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN THUỘC NHÓM PHÁT SINH NGUỒN (NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)

(Kèm theo Nghị quyết số: 44/2-NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Mô hình đầu tư: Dự án - đầu tư - đầu tư (A, B, C)	Tổng tài sản về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian KC-HT	Khả năng tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư:	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
	TỔNG CỘNG (A+ B)		129	-	11.572.194	11.477.194			
A	Ngân sách trung ương		54	-	8.532.936	8.532.936			
I	Y tế		2		156.634	156.634			
1	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện Nhi tỉnh	B	Bệnh viện Nhi	Xây dựng thêm khu điều trị với quy mô 120 giường bệnh tại bệnh viện Nhi tỉnh Gia Lai.	2029-2030	67.724.000	67.724.000	Sở Y tế	
2	Xây dựng mới 30 Trạm Y tế: xã An Thành huyện Dak Pơ, xã Ia Ake huyện Phú Thiện, 02 xã Dak Krong và xã G71ar thuộc huyện Dak Đơ, TT Nhon hòa, Xã Ia Hn, xã Ia Bliu thuộc huyện Chư Pưh, xã Đăk trũi và Thị trấn Kon Dong thuộc huyện Mang Yang, P Hòa bình, P Đoàn Kết thuộc TX Ayun Pa, P An Phúc, xã Con An và Tũ An thuộc thị xã An Khê, Đăng Sơ Pa, Krong thuộc huyện Kbang, P Yên Thê, P Thông Nhãn, P Tây Sơn, P Đông Đa, P Thăng Lơ, xã Biên Hòa TP Pleiku, Đăk Pơ Phơ, Đăk Song, Chơ Glomg, Ya Ma, Đăk Kơ Nimg và Đăk Tơ Pang thuộc huyện Krong Chơ và Trạm Y tế xã Ia Tui thuộc huyện Ia Pa.	B	Các xã trên địa bàn tỉnh	Đầu tư xây dựng mới nhà trạm và mua sắm trang thiết bị	2026-2027	88.910	88.910	Sở Y tế	
II	Giao thông		45		6.803.832	6.803.832			

STT	Tên dự án	Nhiệm vụ dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án: Mục tiêu, nội dung, kế hoạch thực hiện	Dự kiến thời gian triển khai	Khoản vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 đề xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư:	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Chỉ số ý kiến của các ngành
1	Nâng cấp mở rộng đường từ Quốc lộ 14C đi Cửa khẩu Pà 6	B	La Grài	Tổng chiều dài khoảng 7,6 Km được thiết kế theo quy mô tiêu chuẩn đường cấp IV (TCVN 4054-2005), hoàn thiện hệ thống thoát nước và an toàn giao thông.	2026-2030	120.000	120.000	Đầu tư xây dựng cầu vượt, vận chuyển hàng hóa, nông sản kết nối liên vùng Thuận lợi cho việc vận chuyển, trao đổi hàng hóa từ cảng Quy Nhơn qua nước bạn Campuchia	UBND huyện La Grài	
2	Đường liên khu vực phía Bắc thị trấn Phú Thiện, huyện Phú Thiện	B	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến xây dựng khoảng 4,2km (gồm đường và cầu qua sông Ia Sô), phần cầu qua sông Ia Sô (mặt cầu rộng 14m), phần đường (tên đường rộng 20m, mặt đường rộng 11m) mặt đường bê tông nhựa và hạ tầng kỹ thuật	2026-2030	175.000	175.000	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch đã phê duyệt	UBND huyện Phú Thiện	
3	Dv an đường liên xã huyện Chư Pưh	B	Chư Pưh	Đường từ xã Chư Đua đi xã Ia Bui, dài 14,0km, chiều rộng mặt đường 7m, chiều rộng mặt đường 3m.	2026-2030	180.000,00	180.000,00	Hệ thống đường liên xã của huyện còn hạn chế, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đi lại của nhân dân trên địa bàn huyện. Do đó, để xuất đầu tư dự án đảm bảo nhu cầu thiết yếu của nhân dân trên địa bàn	UBND huyện Chư Pưh	
4	Hệ thống các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn huyện Ia Pa	B	Ia Pa		2026-2029	80.000	80000	Nâng cấp, làm mới các tuyến trên địa bàn huyện phục vụ sự đi lại của người dân và lưu thông hàng hóa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đảm bảo ATGT cho người dân trong mùa mưa bão	UBND huyện Ia Pa	
5	Đường vào khu sản xuất xã Ia Sao, thị xã Ayun Pa	B	Ayun Pa	- Nhóm công trình: Nhóm B - Cấp công trình: Công trình giao thông cấp III - Tổng chiều dài toàn tuyến L=10047Km + Tuyến số 1: L= 7,94Km + Tuyến số 2: L= 2,1Km - Bề rộng mặt đường Bm = 7,5m - Bề rộng lòng đường Bm = 5,5m	2026-2027	103.000	103.000	Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường này là rất cần thiết, cấp bách. Táo cơ sở hạ tầng để phục vụ cho người dân trên địa bàn huyện hòa được nhân tố, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Táo lập hạ tầng cơ sở giao thông, dân sinh trên địa bàn và khu vực xã Ia Sao thuận lợi, phục vụ lưu thông sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong vùng. Táo tiến độ của sự phát triển trên tăng cao hiện trong khu vực. Táo lập hạ tầng cơ sở giao thông, lập bãi rác mới theo quy hoạch, giải quyết nhu cầu chôn, lấp, xử lý rác thải theo đúng quy định và đảm bảo vệ sinh môi trường.	UBND huyện Ayun Pa	
6	Đường giao thông thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai	B	Chư Pưh	- Dv an nhóm B, công trình giao thông cấp III, đường đô thị - đường phố nội bộ, tổng chiều dài các tuyến dự kiến L=5,3km. - Kết cấu mặt đường bê tông nhựa. - Bu vữa dân sinh, vữa bê, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, điện sinh hoạt, nước sinh hoạt và an toàn giao thông hoàn chỉnh	2026-2029	150.000	150.000	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng, mở rộng khu dân cư, tạo về mặt khu vực đô thị góp phần thay đổi diện mạo của khu vực trung tâm Thị trấn Phú Hòa nói riêng và toàn huyện Chư Pưh nói chung	UBND huyện Chư Pưh	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian (K-C, HT)	Khai toán tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN (trung bình 2026-2030 để xuất)	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư;	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
7	Đường nối từ Quốc lộ 19 (Đường Quảng Trung) đi xã Xuân An	B	An Khê	Chiều dài tuyến khoảng 1-2,7km, gần đường Bn-27m, mặt đường Bn=12m, hệ thống thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng	2026-2029	205.760	205.760	Hình thành tuyến giao thông huyết mạch nối liền Quốc lộ 19 đi xã Xuân An thị xã An Khê, đồng thời cùng với các tuyến đường hiện có tạo thành mạng lưới giao thông khép kín nối liền các khu vực sản xuất nông nghiệp với nhau, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông của thị xã theo điều chỉnh Quy hoạch chung thị xã An Khê. Đồng thời mở rộng, phát triển dân cư, thúc đẩy phát triển du lịch khu vực lý do đã có Rộc Tung.	UBND huyện An Khê	
8	Đường liên xã Ia Kriel đi xã Ia Leng, huyện Đăk Cờ	B	Đăk Cờ	Chiều dài L=10,0km, Bn=7,5m, Bm=5,5; mặt đường Bê tông nhựa, hệ thống thoát nước, ATGT	2029-2030	120.000	120.000	Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, kết nối liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương	UBND huyện Đăk Cờ	
9	Đường vành đai phía Bắc huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	B	Chư Prông	Tổng chiều dài tuyến là L=7-40km, điểm đầu giao với DT663 (tại Km10+650m) là Km0+00m, điểm cuối giao với DT663 (tại Km17+280m) là Km7+400,00m, chiều dài toàn tuyến khoảng L=7,4Km. Trong đó đoạn từ Km0+00 - Km3+500,00m được mở mới hoàn toàn qua đất trồng cây lâu năm nên hiện tại chưa được đầu tư xây dựng nền, mặt đường và công trình thoát nước, đoạn còn lại từ Km3+500 - Km7+400,00m cơ bản hoàn thiện theo đường nhựa hiện hữu. Tuyến đường được xây dựng nhằm cải thiện đáng kể hệ thống giao thông đường bộ trong khu vực, giảm tải, giảm lưu lượng xe cho tuyến Đường Tỉnh 663 hiện tại đi qua khu vực trung tâm thị trấn Chư Prông, góp phần tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, an ninh an ninh xã hội, an ninh quốc phòng của khu vực tuyến đi qua nói riêng và tỉnh Gia Lai nói chung.	2027-2030	188.000	188.000		UBND huyện Chư Prông	
10	Đường quy hoạch nối thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	B	Kông Chro	Chiều dài dự kiến L=18km, nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục khác	2027-2030	90.000	90.000	Mở rộng khu trung tâm thị trấn theo quy hoạch xây dựng, góp phần hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thực hiện chỉnh trang đô thị, từng bước xây dựng hoàn thiện đô thị loại V	UBND huyện Kông Chro	
11	Dự án mở rộng đường Nguyễn Huệ (QL 19) thị trấn Đăk Đoa và nâng cấp hạ tầng đô thị huyện Đăk Đoa	B	Đăk Đoa	- Đường Nguyễn Huệ: Mở rộng, Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và hạng mục phụ khác chiều dài tuyến L khoảng 4km - Hạ tầng đô thị: Vĩa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh đô thị, thềm bê tông nhựa mặt đường và hạng mục phụ khác	2026-2029	330.000	330.000	Theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt định hướng đến năm 2030: Thị trấn Đăk Đoa sẽ phát triển thành đô thị loại IV. Tuy nhiên, CSHT của thị trấn chưa được đầu tư nhằm đáp ứng tiêu chí theo quy định, CSHT của thị trấn chưa được đầu tư đáng kể do đó việc đầu tư nâng cấp hạ tầng đô thị thị trấn nhằm xây dựng thị trấn Đăk Đoa thành đô thị loại IV theo quy hoạch được duyệt. Đường thời điểm Đường Nguyễn Huệ có mặt độ giao thông lớn, nền, mặt đường chưa được đầu tư đảm bảo theo quy hoạch đối với trục đường sản quan chính của Trung tâm đô thị. Mặt khác hệ thống thoát nước, vỉa hè tuy đã được đầu tư nhưng dân máy đi xe đạp, xe máy đi trên tuyến đường này dân bảo theo quy hoạch đối với trục đường cảnh quan chính của Trung tâm đô thị là cấp thấp.	UBND huyện Đăk Đoa	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian KC-HT	Khả năng đóng góp đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư:	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Chi chủ yếu của các ngành
12	Đường từ Ngã 4 Trường Sơn Đông đi trung tâm xã Lơ Kú đến đường liên xã Krong-Dak Smar	B	Khang	Thông chiều dài tuyến L=34.600m, mở rộng mặt đường đạt 5,5m, nền đường 7,5m, công trình thoát nước, an toàn giao thông	2026-2039	323.000	323.000	Đoạn 1: Đoạn đầu giao Km295+400m - Quốc Lộ Trường Sơn Đông, điểm cuối giao ngã ba đường liên xã Dak Smar đi xã Krong, chiều dài tuyến L=26,6Km. Đã được đầu tư xây dựng nền đường rộng 6,5m, mặt đường BTXX4 rộng 3,5m và hệ thống thoát nước. Mặt khác hiện nay khu vực đường từ Quốc Lộ Trường Sơn Đông đi ngã ba đường liên xã Dak Smar đi xã Krong hạ tầng cơ sở xuống cấp, đồng thời sau thời gian khai thác thực tế đường cấp hạ tầng tương xứng hơn không còn đảm bảo an toàn cho người dân. Đoạn 2: Đường từ ngã ba đường Dak Krong đi xã Lơ Kú đi ngã ba Krong, huyện Krong có chiều dài 4,6 Km, hiện tại đường này đang xuống cấp nghiêm trọng, mặt đường BTXX4 (B-3,5m), điểm cuối giáp đường liên xã Lơ Kú (giáp đường Liên xã Gô Lăk hiện trạng tuyến đã được đầu tư 1,60 đoạn BTXX4 L=8000m rộng tương đương Bm-3,5m nhưng hiện trạng hạ tầng nhiều, việc đi lại, an toàn và sinh hoạt của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn.	UBND huyện Krong	
13	Dự án đường từ xã Tân An, Yang Bk, Phú An, Ya Hô huyện Dak Po đi thị xã An Khê	B	Dak Pơ	Chiều dài Km84+650 quốc lộ 19, điểm cuối giáp đường V9 đi thị xã An Khê và Km228+980 quốc lộ Trường Sơn Đông với tổng chiều dài là 24,27km. Mở rộng mặt đường từ 3m lên 5,5m 4,15Km, BTXX4 đã 1x2, mặt 300 dày 22cm, cầu 2 nhịp gần đến điểm bắt đầu cầu thép dự ứng lực L = 24m. Mở rộng mặt đường từ 3m lên 5,5m 17,52Km, BTXX4 đã 1x2. Đầu tư mới 2 Km, Bm-7,5m, Bm-5,5m, BTXX4 đã 1x2, mặt 300 dày 22cm, cầu 5 nhịp gần đến điểm bắt đầu cầu thép dự ứng lực, L = 33m.	2027-2029	190.000	190.000	Qua các cuộc tiếp xúc với nhân dân các xã Yang Bk, Ya Hô, Tân An, Phú An luôn kiến nghị đầu tư mở rộng các tuyến đường liên xã huyện Dak Po đi thị xã An Khê và hiện nay các tuyến đường này có mặt độ bao quanh rất lớn nhưng mặt đường BTXX4 chỉ rộng 3m rất dễ xảy ra tai nạn giao thông, cầu cầu Đeo đã xuống cấp nghiêm trọng và từ làng Kô Chai xã Yang Bk xuống đến trung tâm xã Yang Bk phải đi qua địa bàn xã Phú An và Tân An khoảng hơn 15Km, đồng thời tuyến đường này là tuyến đường kết nối tỉnh lộ 667, cụm công nghiệp Phú An với quốc lộ 19 và quốc lộ Trường Sơn Đông, đồng thời tạo sự kết nối giữa huyện Dak Po, huyện Krong Choro và thị xã An Khê.	UBND huyện Dak Pơ	
14	Dự án Đường liên xã Hra - Dak Ti Lơ - Lơ Pung, huyện Mang Yang	B	Mang Yang	Được đầu tư với Đường ô tô cấp IV miền núi, Tổng chiều dài tuyến L=18.25Km. Nền đường Bm-7,5m, Bm-5,5m, kết cấu mặt đường bằng BTN và BTXX4 và hệ thống thoát nước	2026-2030	195.000	195.000	Bằng nhiều nguồn vốn khác nhau, tuyến đường đã được đầu tư rải, mặt đường & hệ thống thoát nước, đoạn từ Km0+00 - Km10+400m, chiều dài khoảng L=10,4Km. Nền đường rộng 6,0m, mặt đường rộng 3,5m và công trình thoát nước hiện đang sử dụng tốt. Đoạn còn lại từ Km10+400m - Km18+250m, chiều dài khoảng L=7,85Km được đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn đường GTN-TT nhưng chưa hoàn chỉnh. Nền đường rộng từ 6-6,5m, mặt đường BTXX4 rộng từ 3-3,5m hiện đã xuống cấp nghiêm trọng, gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân trong khu vực và tương tương lại không đáp ứng được lưu lượng xe tải ngày càng lớn. Các thiết trên đoạn tuyến này tại địa điểm Km11+200m và Km13+900m hiện nay có hiện tượng là công trình liên hợp trên nền đất vào mùa mưa là tuyến gần như bị sạt lở hoàn toàn. Nguyên nhân gây hư hỏng và xuống cấp nêu trên được xác định là do nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên lưu lượng xe tải thông trên tuyến ngày một tăng cao, đồng thời do tình hình thời tiết và khí hậu rất thất thường trong những năm qua.	UBND huyện Mang Yang	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ và dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian KC- HT	Khái toán tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 đề xuất	Tuyên bố minh bạch về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Chú thích
15	Đường Yên Lãng (Đường liên xã Chi Lăng - Ia Kanh - Diên Phư)	B	Pleiku	Loại, cấp công trình: Đường trong đô thị - cấp III; cấp kỹ thuật: Đường khu vực, vận tốc thiết kế: 40 Km/h, chỉ giới xây dựng: BCGXD = 20m; chiều dài dự kiến: L=707m	2027-2029	132.000	132.000	Là tuyến đường vùng ven thành phố Pleiku nên dân cư chủ yếu sinh sống tập trung đông đúc ở đây tuyến (đường Trường Chinh, phường phường Chi Lăng) và khu trung tâm xã Ia Kanh (khu dân cư làng Mỏ Nủ và làng Osor), các đoàn công tác chủ yếu qua khu vực nông cấy công nghiệp và khu vực đất trồng với mặt đất cư rải thưa thớt. Tuyến đường hiện tại là đường làng nhựa rộng trung bình 3,5m đang còn sử dụng tốt; các bộ phận số đoạn đo rãnh dọc bị bất hợp, nước chảy tràn trên mặt đường gây hư hỏng và xuất hiện nhiều ổ gà. Công trình thoát nước dọc và ngang trên tuyến đã được đầu tư xây dựng ở một số đoạn xung yếu và những thấp luy nền cũng chỉ dừng lại ở mức tạm thời và không đồng bộ, lan can tạm bằng thép D12 dễ bị đứt gãy, rất nguy hiểm và tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông cho người và các phương tiện lưu thông trên tuyến	UBND huyện Chư Sê	
16	Đường liên xã từ xã Đuan đi xã Ia Tiên huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	B	Chư Sê	Tuyến đường từ xã Đuan đi xã Ia Tiên, mặt đường rộng 5,5m, tổng chiều dài 22,3km Quy mô đường cấp IV miền núi, vận tốc thiết kế 40km/h, mặt đường rộng 5,5m, lề đường rộng mỗi bên 1m, hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, hệ thống an toàn giao thông bố trí đầy đủ theo QCVN:2019	2027-2029	145.000	145.000	Đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	UBND huyện Chư Sê	
17	Dự án đường nội thị huyện Chư Prah	B	Chư Prah	- (UT1) Đường Hai Bà Trưng và đoạn kết nối vào Quốc lộ 14, dài 3,57km, mặt đường rộng 7,0m, tổng mức đầu tư 23,5 tỷ. - (UT2) Đường Lê Duẩn (Trường THCS Nguyễn Trãi - đường Nguyễn Chi Thanh) dài 1,42km, mặt đường rộng 7,5m, tổng mức đầu tư 21 tỷ. - (UT3) Đường Đinh Tiên Hoàng dài 1,88km, mặt đường rộng 7,5m, tổng mức đầu tư 26,5 tỷ.	2026-2030	100.000	100.000	Hệ thống đường các tuyến đường nội thị trên địa bàn huyện đã số chưa được đầu tư đồng bộ. Do đó, đề xuất đầu tư dự án đảm bảo nhu cầu thiết yếu của nhân dân trên địa bàn	UBND huyện Chư Prah	
18	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	B	Ia Pa	Tổng chiều dài L=10.321m; bề rộng mặt đường rộng 9m, mặt đường 7m bằng BTXM4 đã 2x4, mặt 300, dày 25cm và hệ thống thoát nước dọc 2 bên. Chiều dài các tuyến đường như sau: - Đường quy hoạch D2 L=72m; Đường Nguyễn Công Trứ chiều dài L=463m; Đường Cửu Chinh Lạn chiều dài L=215m; Đường Nguyễn Du chiều dài L=983m; Đường Phan Bội Châu chiều dài L=562m; Đường Anna Quang chiều dài L=1.69m; Đường Mã Kông chiều dài L=470m; Đường Lê Duẩn chiều dài L= 450m; Đường Trần Cao Vân chiều dài L= 693m; Đường Hai Bà Trưng L= 2.500m. Sửa chữa, nâng cấp nền, thân nhựa mặt đường Hùng Vương Km0 đến km2+100m; Chiều dài L= 2.300m; thân nhựa mặt Đường Quang Trung từ Km0+549,12m L=549,12m	2026-2029	125.000	125.000	Nhằm bảo đảm chỉ tiêu 1, tiêu chí 2 của Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 18/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định tiêu chí trình tự, thủ tục xét công nhận địa phương đô thị và xã nông thôn mới, huyện Ia Pa đang có nhu cầu đầu tư xây dựng và xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng mong muốn của người dân. Đầu tư các tuyến đường theo quy hoạch hoặc hiện có sơ yếu chỉnh, hệ thống hướng đến thành lập thị trấn Ia Pa	UBND huyện Ia Pa	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến nâng bậc thiết kế công trình	Dự kiến thời gian KC-HTT	Khoản toán tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong báo 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đánh giá dự án	Chi phí của các ngành
19	Đường liên xã Chu Ngọc - là Duyệt (đầu nối Quốc lộ 23, xã Chu Ngọc - đường Trường Sơn Đông, xã là Duyệt) - tăng mức: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và công trình cầu trên tuyến.	B	Khoảng Pa	Tổng chiều dài 8.000m, bề rộng nền đường 10m, bề rộng mặt đường 5,5m, BTXXM đã 2X4, mặt 500 dày 22cm, Công trình cầu trên tuyến qua Sông Ba chiều dài cầu 450 m.	2026-2030	180.000	180.000	Tuyến đường sau khi được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh sẽ tạo hành tuyến giao thông huyết mạch kết nối các xã thị trấn dọc QL 23 và các xã dọc đường Trường Sơn Đông, rút ngắn chiều dài di chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương và phát triển kinh tế xã hội liên vùng.	UBND huyện Khoáng Pa	
20	Chùa Bền Móng	B	Ayut Pa	- Nhóm công trình : Nhóm B - Cấp công trình : Công trình giao thông cấp III - Chiều dài xây dựng: L=437,750m (tả cả chiều dài cầu) - Bề rộng toàn cầu: B=10,50+2,25+2= 15,0m. - Sơ đồ nhập: 10 nhập 31m. - Loại kết cấu dầm cầu: Dầm bê tông cốt thép dự ứng lực chữ I - Tải trọng thiết kế: HL93, người đi 3*10-3 Mpa. - Đường dẫn hai đầu cầu bằng BTXXM	2027-2030	220.000	220.000	Xây dựng hoàn chỉnh cầu Bền Móng đáp ứng nhu cầu giao thông của người dân trong khu vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tạo điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, ổn định đời sống của nhân dân và tăng cường kết nối an ninh quốc phòng của khu vực.	UBND thị xã Ayut Pa	
21	Đường từ Quốc lộ 19 (cá Song An) đi Cùm công nghiệp xã Song An	B	An Khê	Chiều dài tuyến khoảng L=2,7km, Bm=27m, mặt đường Bm=14m, Hệ thống thoát nước: Hệ thống dện chiều sáng	2026-2029	182.764	182.764	Hình thành tuyến giao thông nối liền Quốc lộ 19 đi cụm công nghiệp Song An thị xã An Khê, cùng với các tuyến đường hiện có tạo thành mạng lưới giao thông khép kín nối liền các khu vực sản xuất nông nghiệp, cụm công nghiệp với nhau, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông của thị xã theo chiến lược Quy hoạch chung thị xã An Khê	UBND thị xã An Khê	
22	Đường liên xã là Kết xã là Đok, huyện Đak Cơ (Tư Làng Khop đi xã là Kết đi làng Ghe, xã là Đok)	B	Đak Cơ	Chiều dài L=16,0km, Bm=7,5m, Bm=5,5, mặt đường Bề tổng nhập, hệ thống thoát nước: ATCT	2026-2027	115.000	115.000	Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, kết nối liên vùng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương	UBND huyện Đak Cơ	
23	Đường liên xã huyện Chu Phòng	B	Chu Phòng	Nhằm cấp, mở rộng các đoạn đường liên xã (ngoài dự án đã được phê duyệt), để đảm bảo đồng bộ, tổng chiều dài: 21km, cụ thể: 1. Đường liên xã là Tờ - là Bang (ĐH 31B), đoạn từ Km0+00 đến Km2+500 (L=2,5km); 2. Đường liên xã là Đang - là O - là Poch (ĐH 33B), đoạn từ Km1+800 đến Km12+200 (L=10,4km) và từ Km 16+00 đến cuối tuyến Km17+800 (L2=1,8km) Tổng chiều dài L=12,2km; 3. Đường liên xã là Pá - là Vê, chiều dài 6,3 Km; 4. Bổ sung hệ thống an toàn giao thông	2026-2029	80.000	80.000	Các đoạn đường liên xã (ngoài dự án đã được phê duyệt) hiện tại là đường lạng nhàng rộng trung bình 3,5m, nhiều đoạn tiến đã hư hỏng, xuống cấp. Việc đầu tư là cần thiết nhằm đảm bảo đồng bộ cấp đường với các đoạn đã đầu tư, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Đồng thời, đầu tư lắp đặt hệ thống an toàn giao thông, đặc biệt đoạn qua khu vực trường học (khoảng 24 vị trí trên 09 tuyến UBND ngày 22/11/2023 của UBND huyện và việc Thực hiện Chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và làm nhân đến năm 2045 trên địa bàn huyện Chu Phòng, kế hoạch số 238/KĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện về việc Nâng cao điều kiện an toàn của hệ thống đường huyện trên địa bàn huyện Chu Phòng.	UBND huyện Chu Phòng	

STT	Tên dự án	Nguồn dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian K.C, HT	Khả năng tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn MSNN trung hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đánh giá dự án	Ghi chú
24	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên xã huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	B	Kông Chro	Nâng cấp, mở rộng đường BTXM và hệ thống thoát nước	2027-2030	90.000	90.000	Tăng cường năng lực vận chuyển, lưu thông hàng hóa, nông sản, tạo điều kiện đi lại thuận lợi và góp phần đảm bảo an toàn trong quá trình lưu thông trên tuyến đường cho nhân dân	UBND huyện Kông Chro	
25	Đường liên xã huyện Đak Đoa	B	Đak Đoa	- Nhánh 1: Đường liên xã Kon Gang - Hết Yang (đoạn còn lại khoảng 3km) Nhánh 2: từ xã Giär đi xã Trang, L khoảng 12km, Bm=5,5m, Nhánh 3: Đường liên xã Ia Pét - Ia Bang, L khoảng 1km, Bm=5,5m (trong đó mở mới L khoảng 1,4km) Nhánh 4: Đường từ xã Hă Bău đi xã An Phú, L khoảng 6,7km, Bm=5,5m, 1 cầu BTCT. - Nhánh 5: từ thị trấn đi thôn Tam Đêph, K Đêph xã H'Ylang và từ thôn Tam đêph đi đường liên xã Quốc lộ 19 đi xã Kon Gang: L khoảng 13km, Bm=5,5m. - Nhánh 6: Từ thị trấn đi thôn Bình Giang, K Đêph xã H'Ylang: L khoảng 7,9km, Bm=5,5m.	2026-2029	330.000	330.000	- Dự án phù hợp với quy hoạch tỉnh và các xã của huyện, có tác động liên kết vùng, kết nối Pleiku - Đak Đoa: Kết nối các xã phía bắc với trung tâm huyện và TP Pleiku. Phát triển hạ tầng giao thông đồng bộ kết nối các tuyến đường giao thông liên xã của huyện với đường tỉnh lộ 670, hành lang kinh tế phía Đông, đường giao thông từ TP Pleiku đi Đak Đoa nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các vùng phụ cận thành phố Pleiku. - Hiện trạng nền, mặt đường chưa đảm bảo theo quy hoạch, công trình được đầu tư từ năm 2003 đến 2011 đến nay đã xuống cấp hư hỏng, mặt độ giao thông đang cao, việc đầu tư mở rộng, nâng cấp nền, mặt đường và hệ thống thoát nước dọc tuyến nhằm đảm bảo giao thông là hết sức cấp thiết.	UBND huyện Đak Đoa	
26	Đường Liên xã Từ Tung đi Kông Long không Kông Bơ La đến xã Băk Hô	B	Không	Tổng chiều dài tuyến L=14.050m; mở rộng mặt đường đạt 5,5m, công trình thoát nước, an toàn giao thông	2026-2028	120.000	120.000	Tổng chiều dài tuyến L=14050m; mở rộng mặt đường đạt 5,5m, công trình thoát nước, an toàn giao thông. Tuyến đường huyết mạch nối liền 04 xã Từ Tung, Kông Long không, Kông Bơ La, Băk Hô	UBND huyện Kông	
27	Dự án Đường giao thông kết nối phà trên KTXH 3 làng BBDTTS thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang	B	Mang Yang	Được đầu tư với quy mô công trình giao thông cấp IV, gồm 04 tuyến nhánh. Tổng chiều dài tuyến L =5.143,98m. Nền đường Bm=11,5-13m, Bm=5-7,5m, kết cấu mặt đường bằng BTN và hệ thống thoát nước	2026-2030	105.000	105.000	Thị trấn Kon Dong là trung tâm hành chính của huyện Mang Yang. Hiện nay trên địa bàn thị trấn có 3 làng người đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống và đang lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống của người dân tộc thiểu số. UBND huyện đã và đang hoàn thiện điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn đến 2035. Trong đó đặc biệt chú trọng đến việc phát triển cơ sở hạ tầng trong làng đồng bào DTTS với mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách đồng bộ. Vì vậy, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông kết nối phát triển KTXH 3 làng BBDTTS thị trấn Kon Dong là cần thiết và cấp bách, nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch, mở ra cơ hội kết nối, giao lưu giữa các làng đồng bào dân tộc thiểu số với nhau, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thị trấn Kon Dong.	UBND Huyện Mang Yang	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án: Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian KC-HT	Khai thác công tác đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong hạn 2026-2030 để xuất	Tuyên minh làm rõ về yêu cầu thiết đầu tư:	Đơn vị đã xuất danh mục dự án	Ghi chú
28	Đường liên xã huyện Chu Sê, tỉnh Gia Lai	B	Chu Sê	Tuyến 1: đường từ trung tâm thị trấn Chu Sê đi xã Ia Hlôp dài 5,5km, mặt đường 5,5m. Tuyến 2: đường từ xã Đung đi xã Ia Pêl dài 3,9km mặt đường 3,5m. Tuyến 3: đường từ trung tâm xã Ayun đi đập thủy lợi Pêg Kơo dài 10,6km mặt đường 3,5m. Tổng chiều dài 14,5km. Quy mô đường cấp IV, V1 miễn phí, vận tốc thiết kế 20-40km/h, mặt đường rộng (3,5-5,5)m, bề đường rộng mỗi bên 1m, hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang, hệ thống an toàn giao thông bố trí đầy đủ theo QCVN:2019	2028-2030	120.000	120.000	Đập ứng nhu cầu đi lại, đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn	UBND huyện Chu Sê	
29	Đường từ xã Ia Kê đi xã Ia Chĩa, xã Ia O	B	Ia Grai	Tổng chiều dài khoảng 21 Km, thiết kế theo quy mô đường cấp IV miễn phí, mặt đường 5,5m, nền đường rộng 7,5m, kết cấu mặt đường thành bê tông nhựa, hoàn thiện công trình thoát nước an toàn giao thông theo quy mô	2026-2030	200.000	200.000	Phục vụ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa nông sản của nhân dân được thông suốt, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng khu vực biên giới	UBND huyện Ia Grai	
30	Năng cấp mở rộng đường từ xã Ia Pêch đi xã Ia Tô	B	Ia Grai	Tổng chiều dài tuyến khoảng 19,7Km, thiết kế theo quy mô đường cấp IV miễn phí, mặt đường rộng 5,5m nền đường 7,5m, kết cấu mặt đường thành bê tông nhựa, hoàn thiện công trình thoát nước, an toàn giao thông	2028-2030	130.000	130.000	Kết nối với đường Tỉnh 664 tạo thành mạng lưới giao thông khép kín, phục vụ lưu thông hàng hóa nông sản của nhân dân được thông suốt, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội địa phương	UBND huyện Ia Grai	
31	Đường Chu Văn An thị trấn Phú Thiện (đoạn còn lại)	B	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến xây dựng khoảng 77km (gồm đường và cầu qua sông Ia Sô) phần cầu qua sông Ia Sô (một cầu rộng khoảng 17m), phần đường (nền đường rộng 25m, mặt đường rộng 14m) mặt đường bê tông nhựa và hệ thống kỹ thuật	2027-2030	90.000	90.000	Đầu tư hoàn thiện tuyến đường theo quy hoạch đã bị đã được phê duyệt; chia sẻ lưu lượng giao thông cho đường Hùng Vương (phải là cầu qua sông Ia Sô vì hiện nay chỉ có 1 cây cầu trên tuyến quốc lộ 25) kết nối đến trung tâm hành chính huyện về UBND thị trấn Phú Thiện	UBND huyện Phú Thiện	
32	Dự án đường tránh phía Tây huyện Chu Puh	B	Chu Puh	Đường tránh phía Tây huyện Chu Puh, dài 4,7km (Đoạn từ Đường liên huyện đi xã Ia Pô dài 3,0km và Đoạn từ Pưan Văn Đong đi xã Ia Pung dài 1,7km), chiều rộng nền đường 8m+9,5m, chiều rộng mặt đường 5m+7,5m.	2026-2030	80.000	80.000	Hệ thống đường tránh tuyến đường nội thị trên địa bàn huyện đã sơ chưa được đầu tư đồng bộ. Do đó, để xuất đầu tư dự án đảm bảo nhu cầu thiết yếu của nhân dân trên địa bàn	UBND huyện Chu Puh	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án: Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian thực hiện (Kỳ, BT)	Khả năng thu hút vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư:	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
33	Cầu bắc qua Sông Ba huyện Ia Pa (đoạn từ xã Trrok đi qua xã Chư Mố)	B	Ia Pa	Cầu bê tông cốt thép dự ứng lực, rộng 8m, dài trong HL93 (Tải trọng đường bộ 1993), L=1km cầu và đường hai đầu cầu	2027-2030	100.000	100.000	Hiện nay, người dân xã Ia Trrok muốn đi sang xã Chư Mố phải đi đường vòng rất mất thời gian. Vì vậy việc đầu tư cầu từ Ia Trrok bắc qua sông Ba sang xã Chư Mố là cần thiết để phục vụ cho nhu cầu đi lại vận chuyển của nhân dân địa phương của huyện, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Dự án kiến nghị cơ in nghiên cứu chưa được đầu tư xây dựng	UBND huyện Ia Pa	
34	Đường kết nối khu sản xuất các xã: thị trấn: Chư Gô- Phú Túc- Ia Mliah- Hơng mạc: Núi, mặt đường, hệ thống thoát nước.	B	Kông Pa	Tổng chiều dài 17.000m; bề rộng mặt đường 10m, bề rộng mặt đường 5,5m, BTXM đã 2x4, mặt 300 đây 22cm.	2026-2030	180.000	180.000	Việc đầu tư tuyến đường kết nối là cần thiết và cấp bách, tuyến đường sau khi được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh sẽ tạo thành tuyến giao thông huyết mạch kết nối các khu sản xuất thuộc các xã Chư Gô, thị trấn Phú Túc, xã Ia Mliah, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương và vận chuyển nông sản của người dân	UBND huyện Kông Pa	
35	Đường từ thị trấn Phú Hòa đi xã Nghĩa Hưng	B	Chư Păh	đường đô thị - cấp đường chính khu vực: chiều dài dự kiến L=5,đm; bề đường rộng B=21,0m; mặt đường rộng B=7,25m+2=15,5m; độ rộng của rãnh B= 3,0m; bề đường rộng B1=125m+2=25m. Kè chắn mặt đường bê tông nhẵn, hệ thống thoát nước và an toàn giao thông hoàn chỉnh.	2026-2029	218.000	218.000	Nhiệm vụ được hoàn thiện hệ thống đường giao thông nội thị Thị trấn Phú Hòa huyện Chư Păh, Đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương	UBND huyện Chư Păh	
36	Nâng cấp các tuyến đường nội thị thị trấn Chư Ty, huyện Đăc Cơ	B	Đăc Cơ	Các tuyến đường Phạm Văn Đồng (16,0 ty), Trường Chinh (14,0 ty), Anh Hùng (70,0 ty) Mặt đường BTN theo quy hoạch, hệ thống nước, điện chiếu sáng, ATGT	2027-2029	100.000	100.000	Nhiệm vụ đầu tư nâng cấp giao thông, từng bước hoàn thiện hạ tầng cơ sở trong khu thị trấn Chư Ty, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội địa phương.	UBND huyện Đăc Cơ	
37	Đường từ thị trấn Chư Prông đi xã Ia Tơr (đoạn đường Nguyễn Chí Thanh- Tỉnh Lũ 665, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	B	Chư Prông	Tổng Chiều dài toàn tuyến L=8,4Km. Diện tích giao với Đường Nguyễn Chí Thanh là 8m+0,0m, diện cuối giao với BT665 (tải K=7+500m). Thước kẻ Đường cấp IV, mặt nền: Ván dẻ thiết kế 40K/m ² . Bề rộng nền đường B= 7,5m. Bề rộng mặt đường 5,5m bằng bề rộng nền đường. Hệ thống thoát nước và ATGT trên tuyến đầu tư hoàn chỉnh	2026-2029	93.000	93.000	Đường từ Thị trấn Chư Prông đi xã Ia Tơr có đoạn đầu giao với Đường Nguyễn Chí Thanh là 8m+0,0m, diện cuối giao với BT665 (tải K=7+500m) là 8m+0,0m, chiều dài toàn tuyến bằng 1,8+4Km. Hiện tại tuyến đường đã được đầu tư xây dựng với quy mô : Nền đường (rộng B=7,5m), mặt đường láng nhựa rộng B=5,5m. Qua thời gian khai thác và sử dụng, mặt đường hiện tồn nhiều đoạn đã và đang xuống cấp, hệ thống thoát nước dọc đầu tư chưa đồng bộ, cùng với lưu lượng xe lưu thông trên tuyến ngày một tăng nên với quy mô kết cấu hiện tại sẽ không đảm bảo.	UBND huyện Chư Prông	
38	Cầu bê Kiôh, thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro	B	Kông Chro	Cầu BTCT DUL, Chiều dài cầu 6 nhịp x 33m và đường 2 đầu cầu, L=1800m, Tổng chiều dài cầu và đường 2 đầu cầu L=2000m	2027-2030	125.000	125.000	Tăng cường năng lực vận chuyển, lưu thông hàng hóa, nông sản, tạo điều kiện đi lại thuận lợi và góp phần đảm bảo an toàn trong quá trình lưu thông khi qua cầu cho nhân dân	UBND huyện Kông Chro	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án: Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian KC-HT	Khoản vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong báo 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về dự án cần đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Chỉ chủ ý kiến của các ngành
39	Dự án cải tạo, nâng cấp hạ tầng khu trung tâm xã Nam Yang	B	Đak Đoa	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ. L khoảng 5,5km	2029-2030	100.000	100.000	Theo quy hoạch tỉnh được phê duyệt thời kỳ 2021 -2030 làm nền đến 2050. Sau năm 2030 xã Nam Yang sẽ phát triển thành đô thị loại V, tuy nhiên CSHT của xã chưa được đầu tư theo tiêu chí đô thị, do đó trong giải ngân này dùng hoặc đầu tư CSHT của xã để sau năm 2030 để sau năm 2030 phát triển thành thị trấn Nam Yang	UBND huyện Đak Đoa	
40	Đường từ xã Đak Sonei đi xã Hla Dong	B	Đak Đoa	Nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường, gá cả chống sạt lở, bỏ lán chướng ngại vật L khoảng 26,5km, Bm=5,5m	2023-2030	140.000	140.000	Theo quy hoạch tỉnh, việc phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ kết giao thông vận tải hàng loạt, an toàn là mục tiêu chính góp phần phát triển đến 2030. Xã Hla Dong, huyện Đak Đoa là xã đặc biệt khó khăn, tuyến đường nối Hla Dong với xã đến huyện dài khoảng 32km trong đó có 26,5km tuyến đường quanh co, đất dốc và có độ dốc lớn nên rất nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông. Hiện trạng đoạn đường từ xã Đak Đoa đến xã Hla Dong từ năm 2014, Do nguồn vốn hạn hẹp nên chỉ đầu tư mặt đường rộng 3,5m, hệ thống thoát nước, an toàn giao thông chưa được đầu tư hoàn thiện. Tuyến đường này đã được UBND tỉnh cấp đạo quyết vào danh mục đầu tư công giải ngân 2025-2030 tại Văn bản số 707/UBND-CNND ngày 28/4/2024.	UBND huyện Đak Đoa	
41	Châu qua Sông Bka xã Dong	B	Khang	Tổng chiều dài tuyến L= 9.500m, trong đó mở mới L=6200m, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m hệ thống thoát nước, an toàn giao thông	2026-2030	80.000	80.000	Tuyến đường sau khi được đầu tư sẽ đáp ứng được nhu cầu đi lại, sản xuất nông nghiệp và vận chuyển hàng hóa cho trên 2.000 ha đất sản xuất nông nghiệp của nhân dân xã Dong và Đak Hlor tạo điều kiện phát triển về kinh tế, văn hóa, an ninh an ninh xã hội, an ninh quốc phòng, góp phần hoàn thiện hệ thống mạng lưới giao thông của xã Dong. Xã Đak Hlor nói riêng và của cả huyện Khang với chung, tạo sự liên kết giữa các tuyến đường nội đồng và là động lực phát triển kinh tế, thu hút các nguồn đầu tư trong và ngoài nước	UBND huyện Khang	
42	Đường từ Ngã ba Tor Tung đi Châu đi tích lịch sử làng Khang chiến Sĩm về UBND xã	B	Khang	Tổng chiều dài tuyến L=6100m, mặt đường 5,5-7,5m hệ thống thoát nước, an toàn giao thông, 01 cầu dân qua suối Ka Tung. 01 công 3H100x100 liên hợp trên	2026-2030	80.000	80.000	Tuyến đường vào khu di tích lịch sử làng Khang chiến Sĩm, khu lưu niệm Anh Hùng Nộp, cầu đầu từ mở rộng để đảm bảo giao thông và phục vụ khách du lịch	UBND huyện Khang	

STT	Tên dự án	Nhiệm vụ (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến nâng lực thực tế công trình	Dự kiến thời gian KC-HIT	Khai toán tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 đề xuất	Thuyết minh làm rõ về vị trí cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
2	Hệ thống nước huyện Đực Cừ	B	Đực Cừ	Hệ thống đường ống, nhà máy, trạm bơm, hệ thống thiết bị...	2028-2030	100.000	100.000		UBND huyện Đực Cừ	Số Xây dựng tài sản bản số 1692/SXD-QL-QH ngày 26/8/2024
3	Cấp nước sinh hoạt huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	B	Krông Pa	Phục vụ nước sinh hoạt cho toàn huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	2026-2023	750.000	750.000	Phục vụ nước sinh hoạt cho toàn bộ nhân dân huyện Krông Pa	UBND huyện Krông Pa	Số Xây dựng tài sản bản số 1692/SXD-QL-QH ngày 26/8/2024
IV	Bảo vệ môi trường	I				300.000	300.000			
I	Xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và cải thiện môi trường nước thị xã Ayun Pa	B	Ayun Pa	- Hệ thống thoát nước mưa được tách riêng với hệ thống thoát nước thải và được xây dựng theo các tuyến đường giao thông, thu gom nước mưa từ các công trình dân cư và khu vực nông nghiệp của các huyện giáp ranh. Hệ thống thoát nước là hệ thống công trình BTCT, kết hợp với hệ thống mang thu nước thải xây dựng bằng BTCT. Hệ thống thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước thải: công suất 1.500m ³ /ngày	2028-2030	300.000	300.000	Việc đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho thị xã Ayun Pa là một trong những dự án rất quan trọng về biến và môi trường, cần tạo môi trường nước của thị xã, để an ninh và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đồng bộ với phát triển hạ tầng đô thị, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.	UBND thị xã Ayun Pa	Số Xây dựng tham gia tài sản bản số 1692/SXD-QL-QH ngày 26/8/2024
V	Thể dục, thể thao	I				197.470	197.470			
I	Sân vận động Diên Pô	B	Pleiku	Tổng diện tích khoảng 12,5 ha. Bãi lương giải phóng mặt bằng xây dựng sân vận động 40.000 chỗ ngồi (19/2/2023 đến giá 2.711.000 đồng/01 chỗ ngồi)	2026-2027	197.470	197.470	Hiện nay công trình Sân vận động Pleiku với diện tích đất: 14.679,7m ² thuộc phường Tây Sơn, tiếp giáp 02 đường giao thông lớn gồm: Quang Trung và Nguyễn Du, nằm trong khu vực quy hoạch sân vận động của thành phố Pleiku. Trong công tác quản lý đất đai, việc xây dựng, triển khai và thi công công trình này đòi hỏi phải có sự đồng thuận và sự đồng ý của các cơ quan chức năng, đặc biệt là Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku. Việc xây dựng sân vận động này là một trong những dự án quan trọng và cần thiết để nâng cao đời sống văn hóa, thể thao của nhân dân thành phố Pleiku và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.	UBND thành phố Pleiku	Số TNAKT có DMA QHSD-BH 2030, Số Văn hóa, Thể thao và Du lịch có ý kiến tài sản bản số 2138/SVHTTDL-VP ngày 28/8/2024 và 2329/SVHTTDL-VP, ngày 18/9/2024. Đối với dự án Sân vận động Diên Pô, để nghị Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku ra soát, đối chiếu danh mục đầu tư trong các quy hoạch đã được ban hành. Quan sát soát của ngành tiền dự án Sân vận động Diên Pô tại xã Diên Pô, chưa được thể hiện trong Quy hoạch tỉnh (chuyên đề số 12 của Quy hoạch tỉnh) theo Quyết định số 1750/QĐ-TTg, ngày 20/12/2023. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku có dự án trên đã có trong Quy hoạch tỉnh.
VI	Văn hóa, thông tin	2				135.000	135.000			

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án: Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian KC, HT	Khối lượng công việc đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh tóm tắt về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đánh mục dự án	Ghi chú
1	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Plet Me - huyện Chư Prông - tỉnh Gia Lai	B	Chư Prông	Xây dựng nhà trưng bày, tương tác chiến thắng và nhà điều hành để tư nhân nguyên khối. Các hàng mone phủ trợ khác như khuôn viên, sân bê tông, đường nội bộ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật	2029-2030	75.000	75.000	diểm di tích có tầm quan trọng đặc biệt của tỉnh Gia Lai và vùng Tây Nguyên, là địa danh lịch sử trận đầu đánh Mỹ của quân đội ta trên chiến trường Tây Nguyên. Việc giữ gìn, bảo vệ những di tích lịch sử này chứng tỏ di tích Chiến thắng Pletme mới đây là di sản văn hóa, di sản công trình di tích tiêu biểu của tỉnh Gia Lai cho học lý đầu tranh giành độc lập, tiếp nối và phát huy truyền thống của dân tộc, vì vậy việc đầu tư là hết sức cần thiết và thiết thực	Sở Văn Hóa, Thể thao và Du lịch	Di tích quốc gia tại Quyết định số 31/QĐ-BVHTTDL, ngày 22/01/2009 của Bộ VHTTDL, đề xuất đưa vào Chương trình MTQG Văn hóa giải đoạn 2026-2030
2	Bảo tồn, tôn tạo di tích lịch sử Địa điểm chiến thắng Đường 7 - Sông Bơ, thị xã Ayun Pa	B	Ayun Pa	Nhà tưởng niệm, tương tác chiến thắng và các hàng mone phủ trợ khác có liên quan	2027-2028	60.000	60.000	Bên điểm Chiến thắng Đường 7 - Sông Bơ được Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 53/2001/QĐ-BVHTT ngày 28/12/2001, là điểm di tích lịch sử có tầm quan trọng đặc biệt của tỉnh Gia Lai. Việc đầu tư tại di tích sẽ tiếp nối và phát huy truyền thống "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, khuyến khích thế hệ trẻ hàng sự học tập để góp phần xây dựng đất nước giàu mạnh.	UBND thị xã Ayun Pa	Di tích quốc gia tại Quyết định số 53/QĐ-BVHTT ngày 28/12/2001 của Bộ VHTTDL, đề xuất đưa vào Chương trình MTQG Văn hóa giải đoạn 2026-2030
	NGÂN SÁCH TỈNH	75	-	-	-	3.039.258	2.944.258			
1	Năng nghiệp, làm nghiệp, thay đổi	3				211.000	211.000			
1	Dự án: Đầu tư xây dựng bảo vệ và phát triển rừng Kham báo tồn thiên nhiên Kham Chư Rung giai đoạn 2026-2030	B	Kham	1. Nâng cấp đường vào rừng lâm phần khu dịch vụ hành chính; 2. Xây dựng nhà khách (2 nhà); 3. Nâng cấp đường từ trung tâm phân khu dịch vụ hành chính lên thác Trại Bùn; 4. Bổ sung hệ thống thoát nước dọc 2 bên và dọc đường đường lên thác K-S; 5. Nâng cấp đường từ trạm Bể Cháy đến trạm Bể Trắc; 6. Cổng chính và nhà bảo vệ khu trung tâm dịch vụ hành chính; 7. Trạm bảo vệ rừng Trại Bùn; 8. Hoàn thiện cảnh quan khu vực trung tâm; 9. Hệ thống cấp điện đi ngầm cấp điện cho khu trung tâm dịch vụ hành chính	2026-2030	70.000	70.000	Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng góp phần củng cố quan lý bảo vệ rừng bền vững, phát triển du lịch sinh thái	BQL Khu bảo tồn thiên nhiên Kham Chư Rung	Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư Theo Luật Lâm nghiệp và Nghị định 91/2024/NĐ-CP, Khu Bảo tồn thiên nhiên thuộc tỉnh quản lý, Nghị sách tỉnh đầu tư, tổng nhu cầu của dự án là 70 tỷ đồng.
2	Dự án: Trám bơm cây kê	C	Huyện Đak Pơ	Năng lực tưới 200 ha	2026-2030	25.000	25.000		UBND huyện Đak Pơ	
3	Kế chống sạt lở trong khu dân cư xã Ia Drang, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	C	Huyện Chư Prông	Năng lực tưới 1820 ha	2026-2028	41.000	41.000		UBND huyện Chư Prông	

STT	Tên dự án	Nguồn dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian thực hiện (K-C, HT)	Khoản vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong báo 2026-2030 đã xuất	Thuyết minh tóm tắt về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đánh giá dự án	Chức năng
4	Dự án Cầu có chống sét từ cầu mang số 03 trên kênh chính và bổ sung xi phòng kênh N11 hồ chứa nước là MTA	C	Huyện Krông Pa	Năng lực tuổi 5150 ha	2026-2027	25.000	25.000		Công ty TNHH MTV KTCV thủy lợi	
5	Dự án Cải tạo suối là Kơ Nhing công trình hồ chứa nước Bành Hổ B, TP. Pleiku và huyện Chư Păh	C	TP Pleiku và huyện Chư Păh	Năng lực tuổi 1800 ha cây rừng	2026-2027	50.000	50.000	Hiện trạng thường xuyên bị bồi lắng, sụt lún, hàng năm Công ty đã cần đối nguồn vốn bảo trì để nạo vét, tu bổ những vị trí xung yếu nhằm duy trì việc cấp nước tưới. Để đảm bảo an toàn cấp nước, giảm chi phí nạo vét, bồi đắp, phải dọn hàng năm	Công ty TNHH MTV KTCV thủy lợi	
II	Giao thông	29				1.535.310	1.535.310			
1	Nâng cấp mở rộng đường liên xã: Phú Túc- Phú Cần- Chư Đăng.	C	Krông Pa	Tổng chiều dài 4,10km Mặt đường liên xã 5,5m nhựa đã hư hỏng nặng, xử lý là mới, thêm nhựa 2 lớp.	2026	35.000	35.000	Tuyến đường liên xã Phú Túc- Phú Cần- Chư Đăng, qua thời gian khai thác sử dụng đã xuống cấp trầm trọng. Mặt đường nhựa bị hư hỏng nặng, do đó cần đầu tư nâng cấp, mở rộng nhằm đảm bảo giao thông kết nối vùng, góp phần phát triển kinh tế-xã hội liên vùng	UBND huyện Krông Pa	
2	Nâng cấp, mở rộng đường nội thị, lối trên là KMA	C	Xã Grai	Dầu tư 07 tuyến đường (Bà Triệu, Hoàng Hoa Thám, Trần Khánh Dư, Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Thụ, Cao Bá Quát) với tổng chiều dài khoảng 2,19km thiết kế theo tiêu chuẩn đường đô thị cấp III, hoàn thiện bề ngang thoát nước theo quy hoạch	2026-2028	48.000	48.000	Góp phần hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thực hiện chính trang đô thị, từng bước xây dựng hoàn thiện đô thị văn minh	UBND huyện Grai	
3	Cải tạo mở rộng đường từ Quốc lộ 25 kết nối đến hồ Ayun Hta, huyện Phú Thiện	C	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến xây dựng khoảng 1,75km (cải tạo mở rộng đường và cầu qua kênh chính thủy lợi Ayun Hta), mặt đường rộng 7m, mặt đường bề tổng nhựa và hạ tầng kỹ thuật	2026-2028	42.000	42.000	Nâng cấp cơ sở hạ tầng đến khu du lịch sinh thái hồ Ayun Hta	UBND huyện Phú Thiện	
4	Dường Nguyễn Văn Linh (thời địa) từ trấn Phú Hòa	C	Chư Păh	Dự án nhóm C. - Phần Giao thông: Công trình giao thông cấp III, đường đô thị - cấp đường khu vực: chiều dài dự kiến L=1,53km, diện tích mặt đường QL14, diện tích mặt đường Phan Đình Phùng, nền đường rộng Bm=22,0m, mặt đường rộng Bm=10,5m (kể cả dải an toàn), vỉa hè rộng BvH = 2x5,75m = 11,5m (kể cả bờ vỉa).	2026-2028	40.000	40.000	Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống đường giao thông nội thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh. Đồng thời thực hiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương	UBND huyện Chư Păh	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian thực hiện (K-C-BT)	Khai toán tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư:	Đơn vị đề xuất đánh mức dự án	Chú chú ý kiến của các ngành
5	Đường xã Cư An huyện Đak Pơ đi xã Thành An, thị xã An Khê	C	Đak Pơ	Điền đầu Km+4834 quốc lộ 19 xã Cư An huyện Đak Pơ điểm cuối giáp đường BTXX xã Thành An, thị xã An Khê với tổng chiều dài là 7,0km (Trong đó tận dụng 1,7km đường BTM hiện có). Nền đường rộng B=7,5m, mặt đường rộng Bm=5,5m, kết cấu mặt đường bê tông xi măng dãi 1x2 mác 300 dày 22cm	2027-2029	50.000	50.000	Hoàn thiện hệ thống giao thông, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận lợi, góp phần phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn xã	UBND huyện Đak Pơ	
6	Đường liên xã Ia Dê- Ia Hưng - Ia Bả	C	Ia Grai	Tổng chiều dài tuyến khoảng 14Km, mặt đường rộng 5,5m nền đường 7,5m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa, hoàn thiện hệ thống thoát nước theo công trình thoát nước an toàn giao thông theo quy mô	2027-2029	90.000	90.000	Kết nối với đường Tỉnh 664 và đường liên huyện tạo thành mạng lưới giao thông khép kín, phục vụ nhu cầu đi lại vận chuyển hàng hóa nông sản của nhân dân được thông suốt, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội liên vùng	UBND huyện Ia Grai	
7	Đường từ Tỉnh lộ 664 đi cầu Phan Bình Phụng	C	Ia Grai	Tổng chiều dài khoảng 1,7Km, mặt đường 11m, kết cấu mặt đường thảm bê tông nhựa, hoàn thiện hệ thống thoát nước theo quy hoạch	2026-2028	25.000	25.000	Kết nối với Tỉnh lộ 664 tạo thành mạng lưới giao thông khép kín, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội liên vùng	UBND huyện Ia Grai	
8	Cải tạo mở rộng đường liên huyện Phú Thiện - huyện Ia Pa	C	Phú Thiện, huyện Ia Pa	Tổng chiều dài tuyến xây dựng khoảng 10,8km, cải tạo mở rộng đường, cầu, công, mặt đường rộng 5,5m, mặt đường bê tông xi măng và hạ tầng kỹ thuật	2026-2028	50.000	50.000	Kết nối Quốc lộ 25 (tại xã Ia Sol, huyện Phú Thiện) với đường Đồng Trường Sơn (tại xã Ia Mron, huyện Ia Pa), mở rộng mặt đường hiện trạng 3,5m lên 5,5m nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông trên tuyến ngày càng tăng giữa 2 địa phương, đồng thời giúp việc lưu thông từ trung tâm xã Ia Yeng đến trung tâm huyện được thuận lợi hơn	UBND huyện Phú Thiện	
9	Đường từ thị trấn Đak Đoa đi xã Tân Bình -K:Đang	B	Đak Đoa	Nền, mặt đường và công trình thoát nước (chuyến dài tuyến khoảng 4,5km, Bm=5,5m)	2026-2027	120.000	120.000	Đầu tư xây dựng thị trấn Đak Đoa thành đô thị loại IV	UBND huyện Đak Đoa	
10	Cải tạo mở rộng đường trục xã Ia Sol, huyện Phú Thiện (ở khu vực Thàng Lơ và khu sắp xếp dân cư Suối can)	C	Phú Thiện	Tổng chiều dài tuyến xây dựng khoảng 5,99km (điểm đầu giao với quốc lộ 25, điểm cuối giao với đường Tân Phú), cải tạo mở rộng đường, cầu, công, mặt đường rộng 5,5m-7m, mặt đường bê tông xi măng và hạ tầng kỹ thuật	2027-2029	60.000	60.000	Kết nối Quốc lộ 25 vào trung tâm xã Ia Sol, huyện Phú Thiện, kết nối thị trấn Phú Thiện với khu vực bờ trí sắp xếp dân cư Suối can, xã Ia Sol	UBND huyện Phú Thiện	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự án: Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian thực hiện (Kỳ, HT)	Khả năng thu hút vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 đề xuất	Thuyết minh ban đề về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đánh giá dự án	Ghi chú ý kiến của các ngành
16	Đường từ xã Ia Rôol đi Khu sản xuất, thị xã Ayun Pa	C	Ayun Pa	- Nhóm công trình : Nhóm C - Cấp công trình : Công trình giao thông cấp III. - Đường bê tông xi măng dài 500m (kết cả cầu), Bm= 7,5m, Bm= 5,5m, bề ngang thoát nước: cầu	2026-2028	33.000	35.000	Đầu tư cơ sở hạ tầng để phục vụ cho người dân vận chuyển hàng hóa được thuận lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương	UBND thị xã Ayun Pa	
17	Đường Nguyễn Viết Xuân	C	Ayun Pa	- Nhóm công trình : Nhóm C - Cấp công trình : Công trình giao thông cấp III. Điểm đầu: Quảng trường trung tâm thị xã, điểm cuối: Quốc lộ 25 dài khoảng 1,20km, đã được phân kỳ đầu tư đường láng nhựa Bm=2x5,0m, giữa phân cách 5m, Tiếp tục đầu tư theo quy mô quy hoạch mở rộng mặt đường: lán 2x10,5m, Vĩa hè 7x2m	2028-2030	54.810	54.810	Tạo lập hạ tầng cơ sở theo quy hoạch, tăng cường cảnh quan đô thị, đáp ứng nhu cầu giao thông	UBND thị xã Ayun Pa	
18	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Ia Rôol - Chư Bân	C	Ayun Pa	- Cấp công trình : Công trình giao thông cấp III. - Bề rộng nền đường : Bm = 30x15,00m. - Bề rộng mặt đường : Bm = 17m <- 21m <- 2x10,50m-21,00m - Bề rộng vỉa hè: Bm= 2x(6,0 <- 6,5)m+(12,00-<13)m. - Bề rộng đầu phân cách : Bđc = 2,0m (Đoạn Km0+00 - Km0+785,00, L=0,785km). - Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông xi măng. - Kết cấu vỉa hè: Lán gạch Terrazo KT(40x40x3)cm. - Hệ thống chiếu sáng: dây đèn.	2027-2029	120.000	120.000	Hiện nay chưa có mạng thoát nước, thường xuyên ngập lụt trời mưa	UBND thị xã Ayun Pa	
19	Cầu 16 (tại Ia Drang)	C	Chư Prông	Cầu 16 và hàng mành đường 02 đầu cầu có chiều dài thiết kế khoảng L= 0,4km, Nền đường: rộng 9,0m, Mặt đường: rộng 8,0m, kết cấu mặt đường bằng bê tông nhựa, Thoát nước ngang: Tận dụng cầu cũ, thiết kế hồ sùng cầu bê tông cạnh cầu cũ bằng cầu bê tông cốt thép dự ứng lực có bề rộng cầu 6,0m chiều dài 60m	2026-2028	65.000	65.000	Là điểm kết nối các tuyến đường nhằm cầu có bề rộng nhỏ hẹp nên khả lưu thông qua cầu chỉ từng xe một thường gây ã tắc giao thông đặc biệt là giờ cao điểm thường xảy ra ãn tắc cục bộ ảnh hưởng đến việc đi lại và nguy cơ mất an toàn giao thông cao nên việc ãn đầu tư là cần thiết	UBND thị xã Chư Prông	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian KC-HT	Khoản vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong hạn 2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
20	Đường Hùng Vương (Đoạn công chào)	C	Chư Prông	Tên cơ sở mặt đường là tổng chiều cao, thiết kế cấp là mở rộng mặt đường bên trái, sau khi hoàn thiện dài bề rộng 16,0m (Bao gồm 2,0m đường phân cách). Bỏ vỉa, dân nhân. Đất phân cách giữa. Thoát nước ngang; Thoát nước dọc - Hệ thống an toàn giao thông	2026-2028	25.000	25.000	Đường Hùng Vương (Đoạn công chào) Có chiều dài khoảng L= 1.070,0m, hiện mặt đường đã mở rộng bên phải, hiện rộng trung bình 10,80m bằng bê tông nhựa, hệ thống thoát nước dọc, bỏ vỉa, dân nhân bên phải đã đầu tư xây dựng hoàn thiện. Riêng bên trái tuyến chưa được mở rộng theo quy hoạch.	UBND huyện Chư Prông	
21	Chính trang đô thị thị trấn Chư Prông	C	Chư Prông	1.340m gồm 4 tuyến: Đường Phan Bội Châu (đoạn Hùng Vương đến cầu BTCT); Đường Nguyễn Văn Trỗi (đoạn Nguyễn Trãi - Km40); Đường D14A (đoạn Nguyễn Trãi - Tân Hưng, Bạo bên hông huyện đối); đường D10 bên hông Trường Chính trị (đoạn Nguyễn Trãi - Nguyễn Văn Trỗi)	2026-2028	14.500	14.500	Hiện trung đường D10 và D14A là đường đất, đường Phan Bội Châu và đường Nguyễn Văn Trỗi đã đầu tư xây dựng mặt đường nhựa rộng trung bình 3,5m, qua thời gian lâu dài hiện mặt đường đã bị lún nước, đọng nước. Các bộ phận xã và thị trấn hiện tại đang là dự án an toàn giao thông; hệ thống thoát nước ngang đã được đầu tư xây dựng, thoát nước dọc đã được đầu tư xây dựng bằng phương pháp xây dựng tại đường Nguyễn Văn Trỗi, các đoạn đường còn lại là mặt đất hiện tại tập trung còn là đường thoát nước, vào mùa mưa nước chảy tràn gây khó khăn cho việc lưu thông cũng như mất mỹ quan đô thị.	UBND huyện Chư Prông	
22	Đường liên huyện Krong Chro đi huyện Mang Yang đoạn qua địa phận xã Chư Giông, huyện Krong Chro	C	Krong Chro	Nền, mặt đường và công trình thoát nước (chuyến dài tuyến khoảng 10km)	2027-2029	70.000	70.000	Thang cường liên kết vùng, tăng tính kết nối, liên kết giữa huyện Krong Chro và huyện Mang Yang, phát triển kinh tế - xã hội khu vực phía Đông tỉnh Gia Lai	UBND huyện Krong Chro	
23	Cải tạo sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường và hệ thống thoát nước, vỉa hè dọc các tuyến đường thị trấn Krong Chro, huyện Krong Chro	C	Krong Chro	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường và hệ thống thoát nước, vỉa hè dọc các tuyến đường	2026-2028	70.000	70.000	Góp phần hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thực hiện chỉnh trang đô thị, từng bước xây dựng hoàn thiện đô thị loại V	UBND huyện Krong Chro	
24	Đường từ trung tâm xã Krong Long Krong đi về trung tâm huyện (giáp Trường Sơn Đông)	C	Khang	Tổng chiều dài tuyến L= 8600m; mặt đường dài 5,5m, nền đường 7,5m, công trình thoát nước, an toàn giao thông	2027-2029	30.000	30.000	Đường từ trung tâm xã Krong Long Krong đi về trung tâm huyện (giáp Trường Sơn Đông); hiện trạng tuyến đường nhỏ hẹp mặt đường rộng 3,5m hiện tại đã bị xuống cấp, hư hỏng. Những mặt đất sẽ lưu thông lớn nhất là trong mùa thu hoạch nông sản, lưu lượng xe tăng cao và trong tái cấy rất lớn nên cần nâng cấp, mở rộng tuyến đường để đảm bảo giao thông	UBND huyện Khang	
25	Đường từ ngã ba làng Lur đi làng Tung Gut xã Krong	C	Krong	Tổng chiều dài tuyến L= 8,200m; Nền Đường rộng 5m, mặt đường rộng 3m và công trình thoát nước, an toàn giao thông	2026-2030	50000	50000	Đường từ ngã ba làng Lur đi làng Tung Gut xã Krong là đường mòn đất và đường khai thác của lâm trường Krong, việc đi lại, sản xuất và sinh hoạt của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn. Nhân dân từ làng Lur đi và khu vực lân cận đi ra trung tâm xã Krong phải đi đường nhỏ với chiều dài hơn 30Km, gây khó khăn cho việc đi lại, lưu thông bằng xe cũng như kham cấn bệnh cho nhân dân. Sau khi tuyến đường được đầu tư hoàn chỉnh sẽ rất ngắn tuyến đường qua trung tâm xã với khoảng 15Km, góp phần cải thiện hệ thống giao thông từ làng Lur sang làng Tung Gut	UBND huyện Khang	

STT	Tên dự án	Nhằm duy trì (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến tổng giá trị gói thầu	Khả năng tài chính	Mức vốn NSNN trong hạn 2025-2030 dự kiến	Thuyết minh tóm tắt về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất đầu tư	Ghi chú
4	Trường THCS Lê Hồng Phong	C	Đức Cơ	Xây dựng 16 phòng học lý thuyết, phòng học bộ môn, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà để xe, hệ thống PCCC và các hạng mục phụ, thiết bị	2026-2027	30.000	30.000	Đảm bảo CSVC theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, học sinh thiếu các phòng học đủ cấp bậc, kích thước các phòng học cũ không đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định mới.	UBND huyện Đức Cơ	Cấp địa phương 3.700m ² không đảm bảo theo quy mô loại trường cấp 2, 300 học sinh. UBND huyện Đức Cơ đã xuất ý kiến đề xuất xây dựng trường THCS Lê Hồng Phong để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh địa phương. Tuy nhiên do ngân sách hạn chế (15 phòng học) không đủ để xây dựng trường mới và phải cải tạo các phòng học cũ để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh địa phương.
5	Trường THCS Trần Phú	C	Chư Pênh	Nhà học 06 phòng, Nhà học bộ môn, 06 phòng, Các hạng mục phụ: Hàng rào, sân bê tông, nhà vệ sinh, phòng cháy chữa cháy, thiết bị	2026-2027	15.000	15.000	Tổng cường cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục	UBND huyện Chư Pênh	Bề mặt của UBND huyện Chư Pênh hiện tại có số vốn chỉ, quy mô giáo dục hiện trạng không đảm bảo cơ sở vật chất tối thiểu theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6	Trường TH và THCS Tô Tung	C	Khang	Nhà cấp 3, 2 tầng, 12 phòng lý thuyết, phòng học bộ môn, Nhà vệ sinh, Nhà vệ sinh, Hàng rào, sân bê tông, hệ thống phòng cháy chữa cháy và các hạng mục phụ.	2026-2030	16.500	16.500	Hiện tại, cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu dạy và học của Nhà trường chưa đáp ứng quy mô sơ bộ và tương đương với thực tế của địa phương. Đồng thời, chưa đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 và xây dựng Trường chuẩn quốc gia.	UBND huyện Khang	Trường đã đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2017, cơ sở vật chất hiện tại của trường là 02 nhà học 2 tầng, 12 phòng học, 4 phòng học nhỏ 1 tầng, còn lại phòng học cấp 1 và phòng học cấp 2 không đủ để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh địa phương. Tuy nhiên do ngân sách hạn chế (16.500m ²) không đủ để xây dựng trường mới và phải cải tạo các phòng học cũ để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh địa phương.
7	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy các trường trên địa bàn huyện Đak Pơ	C	Đak Pơ	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy, chữa cháy các trường học trên địa bàn huyện	2026-2030	40.000	40.000	Nhằm đảm bảo cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn huyện, hoàn thiện hệ thống phòng cháy, chữa cháy	UBND huyện Đak Pơ	Hoàn thiện hệ thống phòng cháy chữa cháy các trường học là nhu cầu cấp thiết. Tuy nhiên UBND huyện Đak Pơ cần bố trí kinh phí hoàn thiện PCCC từ nhiều nguồn vốn sự nghiệp, đầu tư và các nguồn hợp pháp khác.
8	Phân hiệu Trường THCS Châu Văn An	C	Mang Yang	Nhà học 10 phòng, Công trình cấp III, DTXD: 540 m ² , DTS: 1.082 m ² , Nhà học bộ môn kết hợp phòng thư của giáo viên, Công trình cấp III, DTXD: 317 m ² , DTXD: 754 m ² , Hạng mục phụ: Nhà vệ sinh, Giảng khoan, sân bê tông, công hàng rào, hệ thống cấp nước tổng, hệ thống PCCC và trang thiết bị trường học.	2026-2030	25.000		Tương đối đạt chuẩn quốc gia, xây dựng bổ sung phòng học bộ môn, phòng học đảm bảo theo quy định mới Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	UBND huyện Mang Yang	Số Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức cuộc họp với Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, Sở GD&ĐT huyện và Đoàn thanh niên về các vấn đề liên quan đến việc xây dựng Trường THCS Châu Văn An. Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang đã họp để bàn bạc và quyết định việc xây dựng trường THCS Châu Văn An. Tuy nhiên do ngân sách hạn chế (25.000m ²) không đủ để xây dựng trường mới và phải cải tạo các phòng học cũ để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh địa phương. Tuy nhiên do ngân sách hạn chế (25.000m ²) không đủ để xây dựng trường mới và phải cải tạo các phòng học cũ để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh địa phương.
9	Trường THCS Bình Hòa	B	Pleiku		2026-2028	70.000			UBND thành phố Pleiku	UBND thành phố Pleiku đã mời bộ xương đầu tư tư vấn báo cáo S&G&D và Báo cáo dự kiến đầu tư. Quy hoạch tỉnh và Quy hoạch tỉnh 22 - Phường An Phú và không gian thành phố Pleiku giai đoạn 2021-2030 không có nội dung thành lập mới Trường THCS Bình Hòa, chỉ có quy hoạch thành lập trường PTDTNT THCS tại xã Bình Hòa.

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến năng lực thiết kế công trình	Dự kiến thời gian KC, HIT	Khả năng đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong hạn 2024-2030 để xuất	Thuyết minh hạn về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú ý kiến của các ngành
10	Tăng tầm Chính trị huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	C	Kông Chro	Nhà học và các hạng mục khác	2026	14.900	14.900	Tăng cường cơ sở vật chất để phục vụ nhiệm vụ nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, góp một phần đáng kể vào việc chuẩn hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở	UBND huyện Kông Chro	Tổng hợp đề xuất của UBND huyện Kông Chro tại Văn bản số 2022/UBND-CNXXD ngày 27/8/2024. Sự cần thiết và Đạo tạo không có ý kiến vì không thuộc lĩnh vực quản lý của ngành, Xin ý kiến chỉ đạo UBND tỉnh
IV	Y tế	6,00				103.798	103.798			
1	Dự án đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế huyện Khang	C	Khang	Đầu tư xây dựng mới Khoa YHCT-PHCK, Khoa Ngoại và mua sắm Trang thiết bị (v) danh mục	2029-2030	12.826	12.826	Tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân tại địa bàn huyện. - Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác khám chữa bệnh, đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận được với các kỹ thuật hiện đại. Qua đó, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. - Từng bước xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đầy đủ góp phần phát triển hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Gia Lai	Sở Y tế	
2	Dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Mang Yang	C	Mang Yang	Đầu tư xây dựng các khoa khám chữa bệnh, cấp cứu, xét nghiệm, được, đồng ý, khởi nhà làm việc, trang thiết bị và các hạng mục phụ	2029-2030	26.836	26.836	Nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh Y tế tuyến cơ sở	Sở Y tế	
3	Dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Đak Đoa	C	Đak Đoa	Đầu tư khoa khám bệnh đa khoa, khu điều trị nội trú, khu xử lý chất thải và trang thiết bị	2029-2030	12.826	12.826	Tăng cường cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu khám và chữa bệnh của nhân dân tại địa bàn huyện. - Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác khám chữa bệnh, đảm bảo mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận được với các kỹ thuật hiện đại. Qua đó, giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. - Từng bước xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đầy đủ góp phần phát triển hoàn thiện hệ thống y tế tỉnh Gia Lai	Sở Y tế	
4	Dự án Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế Trung tâm Y tế huyện Chư Prông	C	Chư Prông	Đầu tư mua sắm trang thiết bị y tế, xây dựng, sửa chữa cải tạo Khoa HSCC và khu phẫu thuật - 1101 trường tổ chức các hội nghị, kho thảo luận	2029-2030	24.505,00	24.505,00	Đảm bảo trang thiết bị y tế, cơ sở vật chất phù hợp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức các hội nghị, bảo quản tốt tài liệu, hồ sơ, bệnh án theo quy định	Sở Y tế	
5	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống, phòng sạch và mua sắm trang thiết bị kiểm nghiệm	TT Kiểm nghiệm TP Pleiku		Đầu tư xây dựng hệ thống phòng sạch và mua sắm trang thiết bị kiểm nghiệm hiện đại	2026-2027	19.621	19.621	Hệ thống là một thiết bị kỹ thuật cao, có thể đạt được giới hạn định lượng rất thấp với độ chính xác cao phù hợp cho phân tích định tính và định lượng các hợp chất hóa học trong nhiều mẫu mẫu phức tạp	Sở Y tế	

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian KC-HT	Khả năng thu hút vốn đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trong hạn 2026-2030 để xuất	Đơn vị để xuất danh mục dự án	Ghi chú ý kiến của các ngành
								Sở Y tế	
6	Dự án: Trạm Kiểm dịch Y tế Biên giới tỉnh Cửa Lải	C	Cửa khẩu Lã Thanh Bộc Cơ	Đầu tư xây dựng Trạm kiểm dịch Y tế biên giới tỉnh và mua sắm trang thiết bị	2026-2027	7.184,00	7.184,00	Hiện tại Trạm kiểm dịch y tế tại cửa khẩu Lã Thanh chưa có, nên cần thiết phải xây dựng cơ sở vật chất để đảm bảo viên chức đơn vị có cơ sở làm việc	
V	Hạng động của các cơ quan quân sự nhà nước	S				133.850	133.850	-	Chưa sắp xếp ưu tiên, tổng hợp theo nhu cầu của đơn vị
1	Nhà lưu trữ huyện và trụ sở làm việc liên cơ quan huyện Phú Thiện	C	Phú Thiện	Nhà lưu trữ huyện và trụ sở làm việc liên cơ quan huyện (nhà cấp III, 01 tầng) và các hạng mục phụ khác	2026-2028	40.000	40.000	Nhằm đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc, cơ sở lưu trữ cho các cơ quan thuộc huyện	UBND huyện Phú Thiện
2	Công trình Nhà công vụ Công an Mốc tiêu trụ sở Tỉnh ủy	C	Phước		2026	4.000	4.000		Văn phòng Tỉnh ủy
3	Xây mới nhà làm việc cho các cơ quan chuyển trách nhiệm quản, giúp Tỉnh ủy	C	Phước		2026-2028	29.850	29.850		Văn phòng Tỉnh ủy
4	Trụ sở UBND-UBND huyện	C	Đức Cơ	Cải tạo Nhà làm việc 02 tầng, xây dựng mới Nhà làm việc 01 tầng, Sân 1.600m ² , hệ thống PCCC và các hạng mục phụ, thiết bị	2026-2027	30.000	30.000	Công trình xây dựng đã trên 10 năm để xuống cấp, cần sửa chữa, xây dựng mới đáp ứng nhu cầu làm việc, nâng cao hiệu quả công tác	UBND huyện Đức Cơ
5	Xây mới trụ sở UBND-UBND huyện Khang.	C	Khang	Nhà làm việc 3 tầng diện tích 1000m ² , thiết bị	2026-2030	30.000	30.000	Trụ sở làm việc của HĐND-UBND huyện Khang đã được xây dựng qua nhiều năm diện tích hạn hẹp, xuống cấp không còn đảm bảo nhu cầu làm việc cho các bộ, công chức	UBND huyện Khang
VI	Cấp nước	1				50.000	50.000		

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thống kê sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian KC-IT	Khả năng tổng đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 để xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú Ý kiến của các ngành
I	Hoàn thiện hệ thống nước sinh hoạt huyện Đắk Pơ	C	Đắk Pơ	Hệ thống đường ống, nhà máy, trạm bơm, hệ thống thiết bị...	2027-2029	50.000	50.000	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt mới tại Hố Tàu Dầu 2, theo Phương án được đề xuất tại trên khai xây dựng dự án. Hố Tàu Dầu 2, huyện Đắk Pơ, tỉnh Gia Lai thay thế hệ thống nước sinh hoạt cũ đã cũ không còn phù hợp, lý lẽ hao hụt lớn, chất lượng nước về lâu dài không đảm bảo để cung cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện Đắk Pơ	UBND huyện Đắk Pơ	
VII	Bảo vệ môi trường	I				25.000	25.000			
I	Khu xử lý chất thải rắn huyện Đắk Đoa	C	Đắk Đoa		2029-2030	25.000	25.000	Trên địa bàn huyện chưa có khu xử lý chất thải, việc đầu tư dự án sẽ góp phần bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện	UBND huyện Đắk Đoa	
VIII	Khoa học, công nghệ	I				20.000	20.000			
I	Dự án Tăng cường tiềm lực trang thiết bị nâng cao năng lực do tương và hoạt động thí nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa.	C	Phieku	Đầu tư các trang thiết bị cho phòng thí nghiệm, thiết bị chuyên dùng nhằm nâng cao năng lực trong hoạt động do tương, kiểm định thử nghiệm sản phẩm hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp các dịch vụ cho các tổ chức/nhà trong lĩnh vực kiểm chuẩn đo lường chất lượng.	2026-2027	20.000	20.000	Tăng cường trang thiết bị đo lường, thử nghiệm hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, phục vụ công tác quản lý nhà nước, bộ sung trang thiết bị còn thiếu của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.	Sở Khoa học và Công nghệ	
IX	Khu công nghiệp và khu kinh tế	I				5.000	5.000			
I	Nâng cấp chuyển đổi hạ tầng KCN Tả Đà	C	Phieku	diện tích quy hoạch 200 ha	2029	5000	5.000		Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai	Danh mục có trong Quyết định số 1750/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh.
X	Phát thanh, truyền hình, thông tin	I				41.671	41.671			
I	Dự án Hệ thống truyền thông hội tụ Đa phát thanh - Truyền hình Gia Lai	C	Phieku	- Tự động hoá phát sóng truyền thông; - Tự động hoá xuất bản nội dung lên mạng xã hội - Phân miền cho các ứng dụng trực tuyến (viết tắt là OTT)	2028-2030	41.671	41.671	Dự án "Hệ thống truyền thông hội tụ Đa phát thanh - Truyền hình Gia Lai" nhằm cung cấp hệ thống quản trị điều hành, sản xuất và phân phối nội dung đa nền tảng đảm bảo phù hợp với lộ trình số hóa phát thanh, truyền hình của Chính phủ.	Ban PT-TT	
XI	Văn hóa, thông tin	5				109.000	109.000			

STT	Tên dự án	Nhóm dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến Năng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian K/C-MT	Khai toán tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 đề xuất	Thuyết minh tóm tắt về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú
1	Bảo tồn, tôn tạo Di tích lịch sử Vườn mít - Cảnh đồng Cỏ Hào	C	Khang	Xây dựng đền thờ bà Ya Đô diện tích xây dựng dự kiến 200m ² ; sân lễ hội nước dâng, cây xanh cảnh quan, đường giao thông nội bộ, cổng chào dài 3m, D=3m; Bm=7m, đường lát gạch Bê tông và các hạng mục phụ. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật	2027-2028	20.000	20.000	Diện tích Vườn mít - cảnh đồng cỏ Hào rộng khoảng 20 ha, do có Hào (lực vợ bé của Nguyễn Nhạc) yên dòng đồng bào ương vùng khác phải rừng lương được để nuôi ngựa quân Tây Sơn. Vườn mít - Cảnh đồng cỏ Hào đã đáp ứng được nhu cầu bức thiết nuôi trâu của cuộc khởi nghĩa, là công hiến to lớn của bà Đô và nhân dân Balam đối với phong trào Tây Sơn. Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó việc đầu tư xây dựng tại khu di tích lịch sử nhằm bảo tồn và tôn tạo các giá trị truyền thống tại đây là hết sức cần thiết và thiết thực	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thuộc Quần thể di tích Tây Sơn Thương đạo Di tích Quốc gia đặc biệt, đề xuất đưa vào Chương trình MTQG Văn hóa giai đoạn 2026-2030
2	Tôn tạo mở rộng khuôn viên chiến trường Đắk Pơ	C	Đắk Pơ	Mở rộng 6 ha		25.000	25.000	Nhằm tôn tạo khu vực chiến trường quan trọng và các hạng mục phụ trợ chiến trường văn hóa, khu di tích lịch sử chiến trường Đắk Pơ hiện không tương xứng tầm. Tạo diện tích tham quan, thăm viếng cho du khách và nhân dân trên địa bàn huyện và vùng lân cận, góp phần tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống văn hóa uống nước nhớ nguồn và tinh thần anh dũng bất khuất của thế hệ cha anh trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc	UBND huyện Đắk Pơ	Di tích quốc gia tại Quyết định số 53/QĐ-BVHTT ngày 28/12/2001 của Bộ VH-TT-DL, đề xuất đưa vào Chương trình MTQG Văn hóa giai đoạn 2026-2030
3	Nhà hàng Lũng Lơ Mường và các hạng mục phụ	C	Phước	Xây mới nhà hàng diện tích khoảng 350m ² và các hạng mục phụ khác.	2026	40.000	40.000	Gieo hạt nhân văn hóa của người dân tộc thiểu số tại địa phương, góp phần mở rộng và phát triển trong truyền thống góp phần tôn tạo những giá trị văn hóa, chiến trường do dân và phát triển du lịch.	UBND Phước	Bên trong là trụ sở Ban Thường trực ủy Văn ban số 1044/HĐ-BVHTTDL ngày 28/4/2023 hướng dẫn thực hiện D.V. an 6 "Đào tạo, phát huy giá trị văn hóa truyền thống kế thừa các giá trị văn hóa và gắn với phát triển du lịch" (thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa và phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2023-2030) và Nghị định 101/NĐ-CP ngày 01/10/2023 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, tổ chức thuộc Bộ VH-TT-DL và Bộ DT-TS và MR. Đề xuất đưa vào Chương trình MTQG phát triển DBOTTS và MR giai đoạn 2026-2030
4	Dự án bảo tồn, tôn tạo các di tích thuộc quần thể di tích Quốc gia đặc biệt trên địa bàn thị xã An Khê	C	An Khê	Quần thể di tích Tây Sơn Thương đạo, gần Di tích Tây Sơn Thương đạo, Di tích Miếu Xã, Di tích đền thờ bà Ya Đô, Khu di tích khảo cổ Gò Đá	2026-203	24.000	24.000		UBND An Khê	Thuộc Quần thể di tích Tây Sơn Thương đạo Di tích Quốc gia đặc biệt, đề xuất đưa vào Chương trình MTQG Văn hóa giai đoạn 2026-2030
XII	Quốc phòng	9				156.729	156.729			
1	Dự án kê gĩa cổ, chống sụt lún bảo vệ cột mốc trên tuyến biên giới tỉnh	B			2026-2030	54.000	54.000		Bà CH huyện Bờ đất Bình Phước tỉnh	Bà CH huyện Bờ đất Bình Phước tỉnh đề xuất theo nhiệm vụ được giao quản lý của Ban chỉ đạo Công tác Biên giới tỉnh

STT	Tên dự án	Nguồn dự án (A, B, C)	Địa điểm	Thông tin sơ bộ về dự kiến nâng lực thiết kế công trình	Dự kiến Thời gian KC-HT	Khả năng tổng mức đầu tư dự kiến	Mức vốn NSNN trung hạn 2026-2030 đề xuất	Thuyết minh làm rõ về sự cần thiết đầu tư	Đơn vị đề xuất danh mục dự án	Ghi chú Ý kiến của các ngành
2	Trung Đoàn Bộ binh 991, Hàng mục Hội trường, nhà ở căn bộ	C	Pleiku		2027	15.795	15.795		Bộ CHQS tỉnh	
3	Tường rào bảo vệ cơ quan Bộ Chỉ huy	C	Pleiku		2026	8.140	8.140		Bộ CHQS tỉnh	
4	Trung tâm huấn luyện Quốc phòng và an ninh/CHb991	C	Pleiku		2027-2028	31.520	31.520		Bộ CHQS tỉnh	
5	Nhà ở lực lượng phòng coi căn cứ hào căn Đăk Sơ Mẻi	C	Đăk Đoa		2026	1.820	1.820		Bộ CHQS tỉnh	
6	Nhà ở Trung đội Dân quân tự vệ/Ban CHQS huyện Đăk Sơ	C	Đăk Sơ		2029	5.727	5.727		Bộ CHQS tỉnh	
7	Nhà ở Trung đội Dân quân tự vệ/Ban CHQS huyện Ia Grai	C	Ia Grai		2030	5.727	5.727		Bộ CHQS tỉnh	
8	Nâng cấp sân chứa sân vận động thuộc doanh trại ĐHB50/CHB991 (Hàng mục: Sân chào cờ và chức các ngôi ở ngoài trời, khu huấn luyện điều lệnh và khu dân sân vận động)	C	Đăk Sơ		2026	4.000	4.000		Bộ CHQS tỉnh	
9	Đầu tư mua sắm, xây dựng, lắp đặt các hệ thống công trình nước sạch cho các đơn vị trực thuộc Bộ CHQS tỉnh	C	Gia Lai		2026 - 2027	30.000	30.000		Bộ CHQS tỉnh	

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT NĂM 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 442/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai)

DVT: Triệu đồng

STT		Số thu năm 2026-2030	Thu tiền sử dụng đất năm 2026-2030 (phần cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi)	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	Chi hoàn trả quỹ đất đến hạn	Kinh phí thực hiện khảo phục các kết luận của thanh tra, kiểm toán	Kế hoạch đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2025	Chi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	TỔNG SỐ	13.431.924	13.431.924	1.343.192	4.242.555	3.909	47.881	9.000.898	
I	CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	5.432.778	6.256.332	136.683	1.350.803			4.768.848	
1	Pleiku	3.477.778	4.263.835	113.384	1.200.000			2.950.453	
2	Dak Đoa	100.000	90.000	-	10.000			80.000	
3	Duk Cũ	330.500	304.748	730	10.000			294.018	
4	An Khê	405.000	414.500	5.000	43.071			366.429	
5	Ayun Pa	50.000	45.000	-	-			45.000	
6	Chư Sê	250.000	225.000	-	22.500			202.500	
7	Chư Păh	125.000	112.500	-	-			112.500	
8	Ia Grai	240.000	321.900	10.590	9.000			302.310	
9	Mang Yang	85.000	76.500	-	10.000			66.500	
10	Chư Prông	130.000	137.004	2.000	15.000			120.004	
11	Chư Pưh	50.000	50.566	557	5.000			45.009	
12	Kông Bông	35.000	31.500	-	7.000			24.500	
13	Kông Chro	15.000	13.500	-	2.500			11.000	
14	Dak Pơ	44.000	49.650	1.005	5.000			43.645	
15	Ia Pa	13.000	11.700	-	-			11.700	
16	Kông Pa	57.500	51.750	-	11.732			40.018	
17	Phù Thiện	25.000	56.680	3.418	-			53.262	
II	TIỀN SỬ DÙNG ĐẤT TÌNH ĐẦU TƯ	7.999.146	7.175.592	1.206.509	2.891.752	3.909	47.881	4.232.050	Trong 4.232.050 triệu đồng có bao gồm 1.206.509 triệu đồng của dự án đo đạc, sau khi trừ các khoản kinh phí, đưa vào đầu công là 3.025.541 triệu đồng

Ghi chú:
(1) Bỏ trị kinh phí vào dự toán năm 2026 cho huyện Chư Pưh để hoàn trả cho Quỹ phát triển đất đai với các dự án do tỉnh quản lý có thời hạn hoàn trả trong năm 2026 với số tiền 3.908.898.000 đồng;
(2) Thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực XII đối với kiểm toán ngân sách địa phương năm 2022, Sở Tài chính đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cấp có thẩm quyền bỏ trị dự tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số tiền: 47.880.700.000 đồng.